

ĐỜI THỨ NHẤT

MÔN ĐỆ LỤC TỔ HUỆ NẰNG

(có 43 vị)

1. Thiền sư Hành Tư (Thanh Nguyên)
2. Thiền sư Hoài Nhượng (Nam Nhạc)
3. Thiền sư Huyền Giác (Vĩnh Gia)
4. Thiền sư Bốn Tĩnh
5. Quốc sư Huệ Trung
6. Thiền sư Thần Hội (Hà Trạch)
7. Thiền sư Pháp Hải
8. Thiền sư Chí Thành
9. Quạt Đa Tam Tạng (Tây Ấn Độ)
10. Thiền sư Hiếu Liễu
11. Thiền sư Trí Hoàng
12. Thiền sư Pháp Đạt
13. Thiền sư Trí Thông
14. Thiền sư Chí Triệt
15. Thiền sư Trí Thường
16. Thiền sư Chí Đạo

17. Thiền sư Ấn Tông
18. Thiền sư Huyền Sách
19. Thiền sư Linh Thao
20. Thiền sư Kỳ Đà
21. Thiền sư Tịnh An
22. Thiền sư Tâm
23. Thiền sư Định Chơn
24. Thiền sư Kiên Cố
25. Thiền sư Đạo Tiến
26. Thiền sư Thiện Khoái
27. Thiền sư Duyên Tố
28. Thiền sư Tông Nhất
29. Thiền sư Thiên Hiện
30. Thiền sư Phạm Hạnh
31. Thiền sư Tự Tại
32. Thiền sư Hàm Thông
33. Thiền sư Thái Tường
34. Thiền sư Pháp Tịnh
35. Thiền sư Biện Tài
36. Thiền sư Đạo Dung
37. Ngô Đầu Đà
38. Thiền sư Đạo Anh
39. Thiền sư Trí Bản
40. Thiền sư Pháp Chơn
41. Thiền sư Huyền Giai
42. Thiền sư Đàm Thối
43. Thích sử Vi Cừ.

1. THIÊN SƯ HÀNH TU Ở NÚI THANH NGUYÊN (? – 740)

Sư họ Lưu, quê ở Kiệt Châu, An Thành, xuất gia từ thuở bé. Mỗi khi trong chúng họp lại luận bàn đạo lý thì Sư chỉ lặng thinh. Sau này, nghe Lục Tổ Huệ Năng ở Tào Khê, Sư liền đến tham học.

Sư hỏi Tổ:

- Phải làm việc gì khỏi rơi vào giai cấp?

Tổ gạn lại:

- Người từng làm việc gì?

- Thánh đế cũng chẳng làm.

- Vậy rơi vào giai cấp nào?

- Thánh đế cũng chẳng làm, làm gì có giai cấp.

Tổ thâm hứa nhận.

Tại Tào Khê học chúng khá đông, Sư là người đứng đầu trong chúng.

Một hôm Tổ gọi Sư bảo:

- Từ trước Y, Pháp cả hai đều được thầy truyền cho

trò, Y để tiêu biểu làm tin, Pháp để ấn tâm, nay không còn sợ người chẳng tin. Ta từ nhận Y đến nay đã gặp nhiều tai nạn, huống là đời sau cạnh tranh quá nhiều. Y để lại nơi đây, người đến một phương truyền bá Tâm Tông không để cho đoạn dứt.

*

Sau khi đắc pháp, Sư trở về trụ trì chùa Tịnh Cư trên núi Thanh Nguyên ở Kiết Châu.

Có ông Sa di Hy Thiên đến, Sư hỏi:

- Người phương nào đến?

Hy Thiên thưa:

- Con từ Tào Khê đến.

- Đem được cái gì đến?

- Chưa đến Tào Khê cũng chẳng mất.

- Mặc tình dùng đi, đến Tào Khê làm gì?

- Nếu không đến Tào Khê đâu biết chẳng mất.

Hy Thiên hỏi:

- Đại sư Tào Khê lại biết Hòa Thượng chăng?

- Nay người biết ta chăng?

- Biết. Lại đâu có thể biết được.

- Loài có sừng tuy nhiều, một con lân là đủ.

- Hòa Thượng rời Tào Khê đến giờ là bao lâu?

- Ta cũng chẳng biết. Người mới lia Tào Khê?

- Hy Thiên không từ Tào Khê đến.
- Ta cũng biết chỗ người đi.
- Hòa Thượng thật là đại nhân chớ tạo thứ lớp.

Hôm khác, Sư lại hỏi Hy Thiên:

- Người từ đâu đến?

Hy Thiên thưa:

- Con từ Tào Khê đến.

Sư bèn dựng phát tử hỏi:

- Tào Khê lại có cái này chăng?
- Chẳng những Tào Khê, Tây Thiên cũng không.
- Người đã từng đến Tây Thiên chăng?
- Nếu đến tức có.
- Chưa đúng, hãy nói lại.

- Hòa Thượng cũng cần nói giúp phân nửa chớ hoàn toàn trông vào học nhân.

- Không từ chối nói với người, chỉ ngại về sau không có người đảm đang thừa kế.

*

Một hôm, Sư sai Hy Thiên đem thư sang Thiền sư Hoài Nương, dặn rằng:

- Người đem thư xong về nhanh, ta có chiếc búa nhỏ sẽ cho người ở núi.

Hy Thiên đến Thiền sư Hoài Nhượng, chưa trình thư đã hỏi:

- Khi chẳng mộ chư Thánh, chẳng trọng tánh linh mình thì thế nào?

Thiền sư Hoài Nhượng đáp:

- Người hỏi tốt cao xanh, sao không hỏi trở xuống?

- Thà chịu vĩnh kiếp trầm luân, chớ chẳng mộ chư Thánh giải thoát.

Thiền sư Hoài Nhượng bèn thôi.

Hy Thiên về đến chùa Tịnh Cư, Sư hỏi:

- Người đi không lâu, đem thư đến chẳng?

- Tin cũng chẳng thông, thư cũng chẳng đến.

- Làm thế nào?

Hy Thiên thuật lại lúc đến Thiền sư Hoài Nhượng cho Sư nghe xong, bèn thưa:

- Khi đi nhờ ơn Hòa Thượng hứa cho chiếc búa, tiện đây xin nhận lấy.

Sư liền duỗi một chân.

Hy Thiên lễ bái.

Sau đó, Hy Thiên từ già Sư lên núi Nam Nhạc ở tu.

*

Một hôm, Thiền sư Thản Hội đến tham vấn, Sư hỏi:

- Ở đâu đến?

Thần Hội đáp:

- Tào Khê đến.

- Ý chỉ Tào Khê thế nào?

Thần Hội chính thân rồi thôi.

Sư bảo:

- Vẫn còn đeo gói gạch.

- Ở đây Hòa Thượng có vàng ròng cho người chằng?

- Giả sử có cho, ông để vào chỗ nào?

*

Có vị Tăng đến hỏi Sư:

- Thế nào là đại ý Phật Pháp.

Sư đáp:

- Gạo ở Lô Lãng giá bao nhiêu?

Sư truyền pháp cho Hy Thiên xong, đến ngày mười ba tháng chạp năm Canh Thìn, nhằm đời Đường niên hiệu Khai Nguyên năm thứ 28 (740 T.L), Sư lên pháp đường từ biệt chúng, ngồi kiết già thị tịch.

Sau này, vua Hiến Tông ban hiệu là Hoàng Tế Thiên sư, tháp tên Qui Sơn.



2. THIÊN SƯ HOÀI NHƯỢNG Ở NAM NHẠC ⁽¹⁾ (677 – 744)

Sư họ Đỗ, quê ở Kim Châu, sinh ngày mùng tám tháng tư đời Đường niên hiệu Nghi Phụng năm thứ hai (677 T.L). Được 15 tuổi, Sư theo luật sư Hoàng Cảnh ở chùa Ngọc Tuyền đất Kinh Châu xuất gia.

Sau khi thọ giới Cụ túc, Sư học tập tạng Luật. Một hôm, Sư tự than: “Phàm người xuất gia phải vì pháp vô vi, trên trời và nhân gian không gì hơn được!”.

Bạn đồng học là Thản Nhiên biết Sư có chí cao siêu, khuyên Sư cùng đi đến yết kiến Hòa Thượng Huệ An ở Tung Sơn. Hòa Thượng An chỉ dạy và sau bảo Sư đến Tào Khê tham vấn Lục Tổ Huệ Năng.

Sư đến Tào Khê, Tổ hỏi:

- Ở đâu đến?

Sư thưa:

- Ở Tung Sơn đến.

(1) Người sau vì kính trọng Sư nên lấy chỗ ở mà gọi hiệu kều là Nam Nhạc

Tổ hỏi:

- Vật gì đến?

Sư thưa:

- Nói in tuồng một vật tức không trúng.

- Lại có thể tu chứng chăng?

- Tu chứng tức chẳng không, nhiệm ô tức chẳng được.

- Chính cái không nhiệm ô này là chỗ hộ niệm của chư Phật, người đã như thế, ta cũng như thế. Tổ Bát Nhã Đa La ở Tây Thiên có lời sấm rằng: “Dưới chân người sẽ xuất hiện NHẤT MÃ CÂU (con ngựa tơ) đạp chết người trong thiên hạ. Ứng tại tâm người chẳng cần nói sấm”.

Sư hoát nhiên khế hội. Từ đây, Sư ở hầu hạ Tổ ngót mười lăm năm.

*

Đời Đường niên hiệu Tiên Thiên năm thứ hai (713 T.L), Sư đến Hoàn Nhạ (dải núi liên tục) ở chùa Bát Nhã.

Có vị Sa-môn ở huyện Truyền Pháp hiệu Đạo Nhất hằng ngày ngồi thiền. Sư biết đó là pháp khí (người hữu ích trong Phật pháp) bèn đi đến hỏi:

- Đại đức ngồi thiền để làm gì?

Đạo Nhất thưa:

- Để làm Phật.

Sau đó, Sư lấy một cục gạch đến trên hòn đá ở trước am

Đạo Nhất ngồi mài. Đạo Nhất thấy lạ hỏi:

- Thầy mài gạch để làm gì?

Sư đáp:

- Mài để làm gương.

- Gạch mài đâu có thể thành gương được?

- Ngồi thiền đâu có thể thành Phật được?

- Vậy làm thế nào mới phải?

- Như trâu kéo xe, nếu xe không đi, đánh xe là phải?

Đánh trâu là phải?

Đạo Nhất lặng thinh, Sư nói tiếp:

- Người học ngồi thiền hay học ngồi Phật? Nếu học ngồi thiền, thiền không phải ngồi nằm. Nếu học ngồi Phật, Phật không có tướng nhất định, đối pháp không trụ, chẳng nên thủ xả. Người nếu ngồi Phật tức là giết Phật, nếu chấp tướng ngồi chẳng đạt ý kia.

Đạo Nhất nghe Sư chỉ dạy như uống đê hồ, lễ bái hỏi:

- Dụng tâm thế nào mới hợp với vô tướng tam-muội?

Sư bảo:

- Người học pháp môn tâm địa như gieo giống, ta nói pháp yếu như mưa móc, nếu duyên người hợp sẽ thấy đạo này.

- Đạo không phải sắc tướng làm sao thấy được?

- Con mắt pháp tâm địa hay thấy được đạo. Vô tướng

tam-muội cũng lại như vậy.

- Có thành hoại chăng?

- Nếu lấy cái thành hoại tụ tán mà thấy đạo là không thể thấy đạo. Nghe ta nói kệ:

Tâm địa hàm chư chủng

Ngộ trạch tức giai manh

Tam muội hoa vô tướng

Hà hoại phục hà thành?

DỊCH:

Đất tâm chứa các giống

Gặp uớt liền nảy mầm

Hoa tam-muội không tướng

Nào hoại lại nào thành.

Đạo Nhất nhờ khai ngộ tâm ý siêu nhiên, theo hầu Sư suốt mười năm, mỗi ngày càng nhận sâu lý đạo.

*

Đệ tử nhập thất gồm có sáu người, Sư ấn khả rằng:

- Sáu người các người đồng chứng thân ta, mỗi người khế hội một phần:

Người được chân mày ta, giỏi về uy nghi là Thường Hạo.

Người được mắt ta, giỏi về ngó liếc là Trí Đạt.

Người được tai ta, giỏi về nghe lý là Thản Nhiên.

Người được mũi ta, giỏi về biết mùi là Thần Chiếu.

Người được lưỡi ta, giỏi về đàm luận là Nghiêm Tuấn.

Người được tâm ta, giỏi về xưa nay là Đạo Nhất.

Sư lại bảo:

- Tất cả các pháp đều từ tâm sinh, tâm không chỗ sinh, pháp không thể trụ. Nếu đạt tâm địa việc làm không ngại, không phải thượng căn dè dặt chớ nói. (Nhất thiết chư pháp giai tùng tâm sinh, tâm vô sở sinh, pháp vô sở trụ. Nhược đạt tâm địa sở tác vô ngại, phi ngộ thượng căn nghi thận từ tai).

*

Có vị Đại đức đến hỏi Sư:

- Như gương đúc tượng, sau khi tượng thành không biết cái sáng của gương đi về chỗ nào?

Sư bảo:

- Như Đại đức tướng mạo lúc trẻ thơ hiện thời ở đâu?

- Tại sao sau khi thành tượng không chiếu soi?

- Tuy không chiếu soi, nhưng đối y một điểm cũng chẳng được:

*

Sau Đạo Nhất đi giáo hóa ở Giang Tây, Sư hỏi chúng:

- Đạo Nhất vì chúng thuyết pháp chằng?

Chúng thưa:

- Đã vì chúng thuyết pháp.

- Sao không thấy người đem tin tức về?

Chúng lặng thinh.

Sư bèn sai một vị Tăng đi thăm. Trước khi đi, Sư dặn:

- Đợi khi y thượng đường (lên thuyết pháp) chỉ hỏi “Làm cái gì?”. Y trả lời, nhớ ghi những lời ấy đem về đây.

Vị Tăng đi thăm làm đúng theo lời Sư đã dặn. Khi trở về, vị Tăng thưa:

- Đạo Nhất nói: “Từ loạn Hồ sau ba mươi năm, chưa từng thiếu tương muối”.

Sư nghe xong gật đầu.

*

Đến ngày mười một tháng tám, đời Đường niên hiệu Thiên Bảo năm thứ ba (744 T.L) Sư viên tịch tại Hoành Nhạc, thọ 67 tuổi.

Vua sắc ban hiệu là Đại Huệ Thiên sư, tháp hiệu là Thắng Luân.



3. THIÊN SƯ HUYỀN GIÁC Ở VĨNH GIA (665 – 713)

Sư họ Đới, quê ở Vĩnh Gia Ôn Châu, xuất gia từ thuở nhỏ. Sư xem khắp ba tạng Kinh, trí đức viên mãn, trụ trì chùa Hưng Long. Sư tinh thâm về pháp môn Chỉ Quán của Đại sư Trí Khải ở núi Thiên Thai, trong bốn oai nghi lúc nào cũng kế hợp thiền quán. Thấy cảnh chùa dưới sườn núi có cảnh đẹp, Sư bèn xuống cất một thiền am, lưng tựa ngọn núi xanh, hông kề dòng suối trong. Sư sống một đời thanh đạm, không hề nghĩ đến việc thế tục.

Sư nhân xem Kinh Duy Ma phát minh được tâm địa. Gặp đệ tử của Lục Tổ là Thiên sư Huyền Sách, hai bên nói chuyện nhau đều thích hợp chư Tổ. Huyền Sách hỏi:

- Nhân giả đặc pháp nơi thầy nào?

Sư đáp:

- Tôi nghe trong các Kinh Luận Phương Đẳng mỗi vị đều có thầy trò trao truyền. Sau xem Kinh Duy Ma ngộ được tâm tông, mà chưa có người chứng minh.

Huyền Sách bảo:

- Từ Đức Phật Oai Âm Vương về trước, không có thầy chứng minh thì được. Từ Đức Phật Oai Âm Vương về sau, không thầy tự ngộ đều là ngoại đạo thiên nhiên.

Sư nói:

- Xin nhân giả vì tôi chứng minh.

Huyền Sách bảo:

- Lời nói tôi nhẹ lắm. Ở Tào Khê có Lục Tổ Đại Sư bốn phương học giả tụ họp về thọ pháp, nếu nhân giả muốn đi thì tôi cùng đi với. Sư bèn theo Huyền Sách đi đến Tào Khê.

Đến nơi, Sư tay cầm tích trượng vai mang bình bát đi nhiều Tổ ba vòng. Tổ hỏi:

- Phàm Sa-môn phải đủ ba ngàn oai nghi tám muôn tế hạnh, Đại đức là người phương nào đến, mà sinh đại ngã mạn như vậy?

Sư thưa:

- Sinh tử là việc lớn, vô thường quá nhanh.

Tổ bảo:

- Sao không ngay nơi đó thể nhận lấy vô sinh, liễu chẳng mau ư?

Sư thưa:

- Thể tức vô sinh, liễu vốn không mau.

Tổ khen:

- Đúng thế! Đúng thế!

Lúc đó đại chúng nghe nói đều ngạc nhiên. Sư bèn đầy đủ oai nghi lễ tạ Tổ. Chốc lát sau Sư xin cáo từ.

Tổ bảo:

- Trở về quá nhanh!

Sư thưa:

- Vốn tự không động thì đâu có nhanh.

Tổ bảo:

- Cái gì biết không động?

Sư thưa:

- Ngài tự phân biệt.

Tổ bảo:

- Người được ý vô sinh rất sâu.

Sư thưa:

- Vô sinh có ý sao?

Tổ bảo:

- Không ý, cái gì biết phân biệt?

Sư thưa:

- Phân biệt cũng không phải ý.

Tổ khen:

- Lành thay! Lành thay!

Sư ở lại đây một đêm để hỏi thêm đạo lý. Sáng hôm sau, Sư cùng Huyền Sách đồng xuống núi trở về Ôn Giang. Thời nhân gọi Sư là Nhất Túc Giác (một đêm giác ngộ).

Từ đây về sau, học chúng bốn phương tìm đến tham vấn Sư thật đông. Sư được tặng hiệu là Chơn Giác Đại Sư.

Đời Đường niên hiệu Thiên Thiên thứ hai (713 T.L) ngày mười bảy tháng mười, tại viện riêng ở chùa Hưng Long, Sư ngồi vui vẽ thị tịch, thọ 49 tuổi. Vua ban sắc là Vô Tướng Đại Sư, thụy hiệu Tịnh Quang.

Tập Chứng Đạo Ca và Thiên Tông Ngộ Tu Viên Chi do Sư trước tác, sau này môn đồ là Ngụy Tĩnh làm Thích sử Khánh Châu, góp lại làm thành mười thiên gọi là Vĩnh Gia Tập.



4. THIÊN SƯ BỔN TỊNH (? – 761)

Sư họ Trương, quê ở Ráng Châu, xuất gia từ thuở bé. Sau Sư đến tham học với Lục Tổ Huệ Năng được Tổ truyền tâm. Sư từ giả Tổ, tìm đến núi Tư Không ở chùa Vô Tướng, chuyên ở nơi đây tu hành.

Đời Đường niên hiệu Thiên Bảo năm thứ ba (744 T.L) vua Huyền Tông sai Trung sứ Dương Quang Đình vào núi cắt dây Thường Xuân. Dương Quang Đình tình cờ gặp được thất của Sư. Đình lễ bái thưa:

- Đệ tử mộ đạo đã lâu, cúi xin Hòa Thượng từ bi tóm tắt chỉ dạy.

Sư bảo:

- Người nghiên học Thiên tông trong thiên hạ đều hỏi về kinh sư (kinh đô vua), Thiên sứ nên trở về triều thưa hỏi là đầy đủ. Bản đạo ở góc núi cạnh khe không có chỗ dụng tâm.

Quang Đình thiết tha khóc lóc lễ lạy.

Sư bảo:

- Thôi! Chớ lễ bản đạo. Thiên sứ vì cầu Phật hay vì

hỏi đạo?

Đình thưa:

- Đệ tử trí thức tối tăm chưa biết Phật với Đạo nghĩa ấy thế nào?

Sư bảo:

- Nếu muốn cầu Phật, tức tâm là Phật. Nếu muốn hội Đạo, không tâm là Đạo.

- Thế nào tức tâm là Phật?

- Phật nhân tâm mà ngộ, tâm do Phật được bày. Nếu ngộ không tâm thì Phật cũng chẳng có.

- Thế nào không tâm là Đạo?

- Đạo vốn không tâm, không tâm gọi là Đạo. Nếu rõ không tâm thì không tâm tức là Đạo vậy.

Quang Đình đành lễ tin nhận.

Trở về triều, Quang Đình tâu hết việc trong núi cho vua nghe. Vua ban sắc lệnh sai Quang Đình đi thỉnh Sư. Ngày mười ba tháng chạp, Sư theo sứ về đến đế đô, vua thỉnh ở chùa Bạch Liên.

Đến ngày rằm tháng hai năm sau, vua mời hết những danh Tăng, và các người học Phật uyên bác đến nội đạo tràng (đạo tràng trong cung) cùng Sư xiển dương Phật lý.

Khi ấy, có Thiên sư Viễn lên tiếng hỏi Sư:

- Nay đối Thánh thượng để xét lường tôn chỉ, cần phải hỏi thẳng, đáp thẳng, không cần dùng nhiều lời. Như chỗ

thấy của Thiền sư lấy gì làm đạo?

Sư đáp:

- Không tâm là đạo.

Viễn hỏi:

- Đạo nhân tâm mà có, đâu được nói không tâm là đạo?

Sư đáp:

- Đạo vốn không tên, nhân tâm có đạo. Tâm và tên nếu có thì đạo không rỗng suốt. Tột tâm đã không thì đạo nương đâu mà lập? Cả hai đều là giả danh.

Viễn hỏi:

- Thiền sư thấy thân tâm là đạo rồi chăng?

Sư đáp:

- Sơn Tăng thân tâm xưa nay là đạo.

Viễn hỏi:

- Vừa nói không tâm là đạo, giờ lại nói thân tâm xưa nay là đạo, đâu không trái nhau?

Sư đáp:

- Không tâm là đạo, tâm mất đạo không, tâm đạo nhất như nên nói không tâm là đạo. Thân tâm xưa nay là đạo, đạo cũng vốn là thân tâm, thân tâm vốn đã là không, đạo cũng tột nguồn chẳng có.

Viễn hỏi:

- Xem hình thể Thiền sư rất nhỏ đâu thể hội

được lý này?

Sư đáp:

- Đại đức thì chỉ thấy tướng sơn Tăng, chẳng thấy được không tướng của sơn Tăng. Thấy tướng là chỗ thấy của Đại đức. Kinh nói “Phàm có tướng đều là hư vọng, nếu thấy các tướng chẳng phải tướng, tức ngộ được đạo kia”. Nếu lấy tướng cho là thật thì cùng kiếp không thể ngộ đạo.

Viễn bảo:

- Nay thỉnh Thiên sư ở trên tướng nói không tướng.

Sư đáp:

- Kinh Tịnh Danh nói: “Bốn đại không chủ, thân cũng không ngã, chỗ thấy không ngã, cùng đạo tương ưng”. Đại đức nếu cho tứ đại có chủ là ngã, nếu thấy có ngã thì cùng kiếp không thể hội đạo.

Viễn nghe nói thất sắc lặng lẽ rút lui.

Sư có bài kệ:

**Tứ đại vô chủ phục như thủy
Ngộ khúc phùng trực vô bỉ thử
Tịnh uest lương xứ bất sinh tâm
Ứng quyết hà tăng hữu nhị ý
Xúc cảnh đản tợ thủy vô tâm
Tại thế tung hoành hữu hà sự?**

DỊCH:

*Bốn đại không chủ cũng như nước
Dù gặp cong ngay chẳng kia đây
Hai nơi nhớ sạch tâm không sinh
Thông bát chưa từng có hai ý
Xúc cảnh chỉ như nước không tâm
Ở thế tung hoành nào có việc?*

Một đại như thế, bốn đại cũng vậy. Nếu rõ bốn đại không chủ tức ngộ không tâm. Nếu rõ không tâm tự nhiên hợp đạo.

*

Thiền sư Minh Chí hỏi:

- Nếu nói không tâm là đạo, ngôi gạch không tâm cũng ung là đạo? Thân tâm xưa nay là đạo, tứ sinh thập loại đều có thân tâm cũng ung là đạo?

Sư đáp:

- Đại đức nếu hiểu bằng vào thấy nghe hiểu biết thì cùng đạo khác xa, tức là người cầu thấy nghe hiểu biết, không phải là người cầu đạo. Kinh nói: “Không mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý...”. Sáu căn còn không, thấy nghe hiểu biết nương đâu mà lập. Cùng tột gốc nguồn chẳng có thì chỗ nào còn tâm? Đâu không đồng với cỏ cây gạch ngói.

Minh Chí lặng thinh thoái lui.

Sư có bài kệ:

**Kiến văn giác tri vô chướng ngại
Thinh hương vị xúc thường tam-muội
Như điểu không trung chỉ ma phi
Vô thủ vô xả vô tăng ái
Nhược hội ứng xứ bốn vô tâm
Thị đắc danh vi Quán Tự Tại**

DỊCH:

*Thấy nghe hiểu biết không chướng ngại
Tiếng mùi vị chạm thường tam-muội
Như chim trong không mặc tình bay
Không thủ không xả không thương ghét
Nếu hội mỗi nơi vốn không tâm
Mới được tên là Quán Tự Tại.*

*

Thiên sư Chơn hỏi:

- Đạo đã không tâm, Phật có tâm chăng? Phật cùng với đạo là một, là khác?

Sư đáp:

- Chẳng một chẳng khác.

Chơn hỏi:

- Phật độ chúng sinh vì có tâm, đạo không độ chúng sinh vì không tâm. Một độ một không độ đâu được không khác?

Sư đáp:

- Nếu nói Phật độ chúng sinh, đạo không độ, đây là Đại đức vọng sinh thấy hai. Theo sơn Tăng tức chẳng phải vậy. Phật là tên sông, đạo cũng đối lập, cả hai đều không thật, toàn là giả danh. Trong một cái giả sao lại phân làm hai?

Chơn hỏi:

- Phật với đạo đều là giả danh, chính khi lập danh nhân-cái gì mà lập? Nếu có lập được, đâu thể nói là không?

Sư đáp:

- Phật với đạo nhân tâm mà lập, xét cùng cái tâm dựng lập, tâm ấy cũng không, tâm đã là không liền ngộ cả hai đều chẳng thật, biết như mộng huyễn liền ngộ vốn không. Gắng lập hai tên Phật, Đạo, đây là cái biết của người Nhị thừa.

Sư bèn nói bài kệ (Không tu, không tác):

Kiến đạo phương tu đạo

Bất kiến phục hà tu

Đạo tánh như hư không

**Hư không hà sở tu
Biến quán tu đạo giả
Bác hỏa mịch phù âu
Đản khán lộng khối lỗi
Tuyển đoạn nhất thời hư.**

DỊCH:

*Thấy đạo mới tu đạo
Chẳng thấy lấy gì tu
Tánh đạo như hư không
Hư không tu chỗ nào
Khắp xem người tu đạo
Vạch lừa tìm bọt nổi
Chỉ xem người gõ máy
Đứt dây một lúc dừng.*

*

Thiên sư Pháp Không hỏi:

- Phật với đạo đều là giả danh, mười hai phần giáo (tất cả kinh điển) cũng phải chẳng thật, vì sao các hàng tôn túc từ xưa đều nói có tu có đạo?

- Đại đức lầm hội ý Kinh; đạo vốn không tu, Đại đức cương tu, đạo vốn không tác, Đại đức cương tác, đạo vốn không sự, Đại đức cương sinh đa sự, đạo vốn không biết, ở

trong ấy cưỡng biết. Thấy hiểu như thế cùng đạo trái nhau.
Tôn túc từ xưa không như thế, tự Đại đức không hội, xin
suy ngẫm đó.

Sư có bài kệ:

**Đạo thể bốn vô tu
Bất tu tự hiệp đạo
Nhuộc khởi tu đạo tâm
Thử nhơn bất hội đạo
Khí khước nhất chân tánh
Khước nhập não hạo hạo
Hốt phùng tu đạo nhân
Đệ nhất mặc hương đạo.**

DỊCH:

*Thế đạo vốn không tu
Chẳng tu tự hiệp đạo
Nếu khởi tâm tu đạo
Người này không hiệp đạo
Bỏ mất một tính chân
Lại vào nơi phiền lụy
Chợt gặp người tu đạo
Bậc nhất chớ hương đạo.*

*

Thiền sư An hỏi:

- Đạo đã giả danh, Phật nói dối lập, mười hai phần giáo (tất cả Kinh điển) cũng là phương tiện tiếp vật độ sinh, tất cả là vọng lấy gì làm chân?

Sư đáp:

- Vì có vọng nên đem chân đổi vọng. Xét cùng tính vọng vốn không, chân cũng chưa từng có. Thế thì biết chân vọng đều là giả danh, hai việc đối trị trọn không thật thể, tội cội gốc nó thì tất cả đều không.

An hỏi:

- Đã nói tất cả là vọng, vọng cũng đồng chân, chân vọng không khác, lại là vật gì?

Sư đáp:

- Nếu nói vật gì, vật gì cũng vọng. Kinh nói “Không tương tợ, không so sánh, bậc đường nói năng, như chim bay trong không”.

Thiền sư An thăm phục mà không biết mối manh.

Sư có bài kệ:

Suy chân, chân vô tướng
Cùng vọng, vọng vô hình
Phản quán suy cùng tâm
Tri tâm diệt giả danh

Hội đạo diệc như thử

Đáo đầu diệc tự ninh.

DỊCH:

Xét chân, chân không tương

Tìm vọng, vọng không hình

Quán lại tâm tìm xét

Biết tâm cũng giả danh

Hội đạo cũng như vậy

Đến cùng chỉ lặng yên.

*

Thiền sư Đạt Tánh hỏi:

- Thiền thật chí vi chí diệu, chân vọng cả hai đều bật, Phật, Đạo cả hai chẳng còn, tu hành tính là không, danh tướng chẳng thật, thế giới như huyền, tất cả đều giả danh. Khi người đạt đến cái hiểu biết này cũng không thể đoạn dứt hai gốc thiện ác của chúng sinh!

Sư đáp:

- Hai gốc thiện ác đều nhân tâm mà có, tìm tội tâm nếu có thì gốc ắt thật, xét tâm đã không thì gốc nhân đâu mà lập. Kinh nói:

“Pháp thiện pháp ác từ tâm hóa sinh, nghiệp duyên thiện ác vốn không thật có”.

Sư nói bài kệ:

**Thiện ký tùng tâm sinh
Ác khởi ly tâm hữu
Thiện ác thị ngoại duyên
Ư tâm thật bất hữu
Xả ác tống hà xứ
Thủ thiện linh thù thủ
Thương nha nhị kiến nhơn
Phan duyên lưỡng đầu tẩu
Nhược ngộ bổn vô tâm
Thủy hồi tùng tiền cụ.**

DỊCH:

*Thiện đã từ tâm sinh
Ác đâu rời tâm có
Thiện ác là duyên ngoài
Nơi tâm thật chẳng có.
Bỏ ác đây chỗ nào?
Lấy thiện báo ai giữ?
Than ôi! Người thấy hai
Bám víu hai đầu chạy.*

Nếu ngộ vốn không tâm

Mới hối lỗi từ trước.

*

Vị quan cận thần hỏi:

- Thân này từ đâu mà đến? Sau khi trăm tuổi trở về đâu?

Sư đáp:

- Như người khi mộng từ đâu mà đến? Khi thức giấc lại đi về đâu?

Quan thưa:

- Khi mộng không thể nói không, đã thức không thể nói có. Tuy có mà không từ đâu đến, đi không đi về đâu.

Sư nói:

- Bản đạo thấy thân này cũng như mộng.

Có bài kệ:

Thị sinh như tại mộng

Mộng lý thật thị não

Hốt giác vạn sự hư

Hườn đồng thùy thời ngộ

Trí giả hội ngộ mộng

Mê nhân tín mộng não

Hội mộng như lưỡng ban

**Nhất ngộ vô biệt ngộ
Phú quý dữ bản tiện
Cánh diệc vô biệt lộ.**

DỊCH:

*Thấy cuộc sống như mộng
Trong mộng thật là ôn
Chợt giác muôn việc hết
Lại đồng tình con mộng
Người trí nhận biết mộng
Kẻ mê tin mộng ôn
Biết mộng như hai việc
Một ngộ không ngộ khác
Giàu sang cùng nghèo hèn
Lại cũng không đường khác.*

Niên hiệu Thượng Nguyên năm thứ hai (761 T.L), ngày
mùng năm tháng năm, Sư qui tịch.

Vua sắc ban hiệu là Đại Hiển Thiên Sư.



5. QUỐC SƯ HUỆ TRUNG (? – 772)

Sư họ Nhiễm, quê ở Chư Ky, Việt Châu. Thuở nhỏ, Sư da trắng như tuyết, dáng vẻ đoan trang, mộ Phật xuất gia. Sư giới luật thanh tịnh, đức hạnh siêu nhiên, thường tìm đến các vị thiền đức hồi đạo.

Sau khi được tâm ấn nơi Lục Tổ Huệ Năng, Sư về ở cốc Đẳng Tử trên núi Bạch Nhai, Nam Dương. Nơi đây tu hành, hơn bốn mươi năm Sư chưa từng xuống núi. Đạo hạnh của Sư được dân chúng đồn đại đến tai nhà vua.

Đời Đường niên hiệu Thượng Nguyên năm thứ hai (761 T.L) vua Túc Tông sai Trung sử Tôn Triều Tiến mang chiếu đến thỉnh Sư về kinh đô. Sư về đến triều, vua kính Sư làm thầy. Lúc đầu thỉnh Sư ở Tây Thiên Viện tại chùa Thiên Phước, sau vua thỉnh về chùa Quang Trạch gần nội cung. Hơn mười sáu năm, Sư tùy cơ thuyết pháp.

Một hôm, có Đại Nhị Tam Tạng người Ấn sang đến kinh đô, tự nói được huệ nhãn và tha tâm thông. Vua muốn trải nghiệm nên mời ông đến ra mắt Sư. Tam Tạng đến, vừa thấy Sư, liền lễ bái khoanh tay đứng hầu bên hữu.

Sư hỏi:

- Ông được tha tâm thông chăng?

Tam Tạng đáp:

- Chẳng dám.

Sư hỏi:

- Ông nói xem, hiện giờ lão Tăng đang ở chỗ nào?

Tam Tạng đáp:

- Hòa Thượng là thầy một nước sao lại đến Tây Xuyên xem đồ đua.

Sư lại hỏi:

- Ông nói xem, hiện giờ lão Tăng đang ở chỗ nào?

Tam Tạng đáp:

- Hòa Thượng là thầy một nước sao lại đứng trên cầu Thiên Tân xem khỉ giỡn?

Sư lần thứ ba cũng hỏi y như trước. Tam Tạng lặng thinh không biết chỗ đi.

Sư nạt:

- Hồ tinh ! Tha tâm thông ở chỗ nào?

Tam Tạng lặng câm.

Một hôm, Sư gọi:

- Thị giả !

Thị giả:

- Dạ !

Sư gọi như thế ba lần, thị giả cũng dạ ba lần.

Sư bảo:

- Tưởng là ta cô phụ người, nào ngờ người cô phụ ta.

*

Nam Tuyền đến tham vấn, Sư hỏi:

- Ở đâu đến?

Nam Tuyền thưa:

- Ở Giang Tây đến.

- Có đem được hình của Mã Sư đến chăng?

- Chỉ thế ấy.

- Ở sau lưng.

Nam Tuyền bèn lui ra.

*

Ma Cốc đến tham vấn, đi nhiều quanh giường thiền của Sư ba vòng, rồi chống tích trượng đứng trước Sư.

Sư bảo:

- Đã như thế cần gì thấy bản đạo?

Ma Cốc lại chống tích trượng.

Sư nạt:

- Hồ tinh ! Đi đi !

Sư thường dạy chúng:

- Người học thiên tông nên theo lời Phật, lấy Nhất thừa liễu nghĩa kết hợp với nguồn tâm của mình, Kinh không liễu nghĩa chẳng nên phối hợp. Như bợn trùng trong thân sư tử, khi vì người làm thầy, nếu dính mắc danh lợi bèn bày điều dị đoan, thế là mình và người có lợi ích gì? Như người thợ mộc giỏi, búa rìu không đứt tay họ. Sức con voi lớn chở, con lừa không thể kham.

*

Có vị Tăng hỏi:

- Làm sao được thành Phật?

Sư đáp:

- Phật và chúng sinh đồng thời dẹp đi, ngay đó được giải thoát.

- Làm thế nào được tương ưng?

- Không nghĩ thiện ác tự thấy Phật tính.

- Làm sao được chứng Pháp thân?

- Vượt cảnh giới Tỳ Lô.

- Pháp thân thanh tịnh làm sao được?

- Không chấp Phật để cầu.

- Thế nào là Phật?

- Tâm tức là Phật.

- Tâm có phiền não chăng?

- Tính phiền não tự lìa.

- Đâu không đoạn sao?

- Đoạn phiền não tức gọi Nhị thừa. Phiền não không sinh gọi Đại Niết-bàn.

- Ngồi thiền quán tịnh là làm gì?

- Chẳng cấu chẳng tịnh đâu cần khởi tâm quán tướng tịnh.

- Thiền sư thấy mười phương hư không là Pháp thân chăng?

- Lấy tâm tướng nhận, đó là thấy điên đảo.

- Tâm tức là Phật, lại cần tu vạn hạnh chăng?

- Chư Thánh đều đủ hai thứ trang nghiêm (phước huệ) đâu có bác không nhân quả.

Sư lại nói:

- Nay tôi đáp những câu hỏi của ông cùng kiếp không hết, nói nhiều cách đạo càng xa. Cho nên nói: “Thuyết pháp có sở đắc, đây là dã can kêu; thuyết pháp không sở đắc, ấy gọi sư tử rống”.

*

Có người cư sĩ ở Nam Dương tên Trương Phần đến hỏi:

- Được nghe Hòa Thượng nói “Vô tình thuyết pháp”, con chưa hiểu được ý này, xin Hòa Thượng từ bi chỉ dạy.

Sư đáp:

- Ông nếu hỏi vô tình thuyết pháp, hiểu vô tình kia

mới được nghe tôi thuyết pháp. Ông chỉ nghe lấy vô tình thuyết pháp đi !

- Chỉ nhằm hiện nay trong phương tiện của hữu tình, thế nào là nhân duyên của vô tình?

- Hiện nay trong tất cả động dụng, nhưng hai dòng phàm Thánh trọn không có ít phần khởi diệt, là ra khỏi thức, không thuộc có không, rõ ràng thấy giác, chỉ nghe không có tình thức buộc chấp kia. Sở dĩ, Lục Tổ nói: “Sáu căn đối cảnh phân biệt mà không phải thức”.

*

Có vị Tăng đến tham lễ, Sư hỏi:

- Ông chứa đựng sự nghiệp gì?

Tăng thưa:

- Giảng Kinh Kim Cương.

- Hai chữ rốt đầu Kinh là gì?

- Như thị !

- Là gì?

Tăng không đáp được.

*

Có người hỏi Sư:

- Thế nào là giải thoát?

Sư đáp:

- Các pháp không đến nhau, ngay đó là giải thoát.
- Làm sao đoạn được?
- Đã nói với ông các pháp không đến nhau, đoạn cái gì?

*

Vua Túc Tông hỏi:

- Thầy được pháp gì?

Sư đáp:

- Bệ hạ thấy một mảnh mây trong hư không chẳng?
- Thấy.
- Nó do đóng đinh mắc, hay cột dây mắc?
- Thế nào là mười thân của Phật?

Sư đứng dậy hỏi:

- Hội chẳng?
 - Chẳng hội.
 - Đem tịnh bình qua cho lão Tăng.
 - Thế nào là vô tránh tam-muội?
 - Đàn việt đi đập trên đánh Tỳ Lô.
 - Ý này thế nào?
 - Chớ nhận thân này, là Pháp thân thanh tịnh.
- Vua lại hỏi Sư. Sư đều không nhìn vua. Vua bảo:

- Trẫm là thiên tử nước Đại Đường, tại sao thầy không

nhìn đến?

Sư đáp:

- Bệ hạ thấy hư không chẳng?
- Thấy.
- Hư không có nhìn bệ hạ không?

*

Ngư Quân Dung hỏi:

- Thầy ở núi Bạch Nhai trong mười hai giờ tu thế nào?

Sư gọi một đứa trẻ đến, vò đầu nó, bảo:

- Tỉnh tỉnh hẳn vậy tỉnh tỉnh. Rõ ràng hẳn vậy rõ ràng.
- Về sau chớ bị người gạt.

Một hôm, Sư hỏi Tử Lân Cung Phụng:

- Phật là nghĩa gì?

Phụng thưa:

- Là nghĩa giác.
- Phật từng mê chẳng?
- Chẳng từng mê.
- Dùng giác làm gì?

Cung Phụng không thể đáp được, hỏi lại Sư:

- Thế nào là thật tướng?
- Dem hư không lại !

- Hư không đâu thể đem được !
- Hư không còn không thể đem được, hỏi thật tướng làm gì?

*

Sư thấy duyên hóa độ sắp mãn, giờ Niết-bàn sắp đến, bèn từ giả vua Đại Tông trở về núi.

Đại Tông hỏi:

- Thầy sau khi diệt độ, đệ tử sẽ làm gì để kỷ niệm?

Sư đáp:

- Bảo đàn việt tạo một ngôi tháp Vô Phùng.
- Xin thầy chò họa đồ?

Sư lặng thinh giây lát hỏi:

- Hội chăng?
- Không hội.
- Bần đạo đi rồi có thị giả hiệu Ứng Chơn sẽ biết việc này.

Ngày mùng chín tháng chạp năm Đại Lịch thứ mười (772 T.L), Sư nằm nghiêng bên hữu thị tịch. Đệ tử xây tháp cạnh cốc Đăng Tử thờ Sư. Vua sắc ban hiệu là Đại Chứng Thiên Sư.



6. THIÊN SƯ THÂN HỘI (HÀ TRẠCH) (668 – 760)

Sư họ Cao, quê ở Tương Dương. Lúc nhỏ theo thầy học Nho, Sư thông suốt Ngũ kinh, hiểu rành Lão Trang, sau nghiên cứu Phật pháp. Sư theo Pháp sư Hạo Nguyên ở chùa Quốc Xương tại phủ nhà xuất gia, học thông Kinh Luật.

Năm mười bốn tuổi là Sa-di ở chùa Ngọc Tuyền, Sư tìm đến yết kiến Lục Tổ Huệ Năng.

Tổ hỏi:

- Tri thức từ phương xa nhọc nhằn tìm đến, có đem được gốc (Bổn) theo chăng? Nếu có gốc phải biết chủ, thử nói xem?

Sư thưa:

- Lấy không trụ làm gốc, thấy tức là chủ.

Tổ bảo:

- Sa-di đâu nên dùng lời đó.

Sư thưa:

- Hòa Thượng ngồi thiền là thấy hay chẳng thấy?

Tổ cầm gậy đánh Sư ba gậy, hỏi:

- Ta đánh người đau hay chẳng đau?
- Cũng đau cũng chẳng đau.
- Ta cũng thấy cũng chẳng thấy.
- Thế nào là cũng thấy cũng chẳng thấy.

- Chỗ ta thấy là thường thấy lỗi lầm nơi tâm mình, không thấy việc phải quấy của người khác. Ấy là cũng thấy cũng chẳng thấy. Người nói cũng đau cũng chẳng đau là sao? Nếu người chẳng đau thì đồng cây cỏ, nếu người đau thì đồng phàm phu, ắt khởi tâm giận hờn. Trước người nói thấy chẳng thấy là hai bên, đau chẳng đau là sinh diệt. Người không thấy tự tính mà dám cợt với người.

Sư lễ bái sám hối.

Tổ bảo:

- Nếu người tâm mê không thấy nên hỏi thiện tri thức chỉ đường. Nếu người tâm ngộ liền thấy tự tính, y pháp tu hành. Người đã mê không thấy tâm mình, trở lại hỏi ta thấy cùng chẳng thấy. Ta thấy thì ta tự biết, đâu thế cái mê cho người được. Nếu người tự thấy cũng không thể được cái mê cho ta. Tại sao không tự biết tự thấy, lại hỏi ta thấy cùng chẳng thấy?

Sư lễ bái hơn trăm lạy cầu xin sám hối.

Từ đây, Sư ở lại hầu hạ Tổ không lúc nào rời.

*

Một hôm Tổ bảo đại chúng:

- Ta có một vật không đầu không đuôi, không tên không họ, không lưng không mặt, các người biết chăng?

Sư bước ra thưa:

- Ấy là bản nguyên của chư Phật, là Phật tính của Thân Hội.

Tổ bảo:

- Đã nói với các người là không tên không họ, người lại kêu là bản nguyên, Phật tính. Người lại đi lấy tranh che đầu, cũng chỉ thành tông đồ của hàng trí giải.

Sư lễ bái lui ra.

*

Có sáu điều nghi trong tạng Kinh, Sư đem ra hỏi Lục Tổ:

- Giới định huệ dùng như thế nào? Giới vật gì? Định từ chỗ nào tu? Huệ nhân chỗ nào khởi? Chỗ thấy của con chưa thông suốt.

Tổ đáp:

- Định là định tâm kia, đem giới để giới hạnh kia, trong tính thường có huệ chiếu, tự thấy tự biết sâu.

- Xưa không nay có, có vật gì? Xưa có nay không, không vật gì? Tạng Kinh chẳng thấy nghĩa có không, thật giống người cỡi lừa lại tìm lừa.

- Niệm trước nghiệp ác xưa không, niệm sau thiện sinh

nay có, niệm niệm thường làm hạnh lành, đời sau sinh người trời chẳng khó. Chính người nay nghe ta nói, ta tức xưa không nay có.

- Đem sinh diệt dẹp diệt, đem diệt diệt dẹp sinh, không rõ nghĩa sinh diệt, chỗ thấy in mù điếc.

- Đem sinh diệt dẹp diệt, khiến người không chấp tính. Đem diệt diệt dẹp sinh, khiến người tâm lìa cảnh. Nếu lìa được hai bên, tự trừ bệnh sinh diệt.

- Trước đốn mà sau tiệm, trước tiệm mà sau đốn, người không ngộ đốn tiệm, trong tâm thường mê muội.

- Nghe pháp trong đốn mà tiệm, ngộ pháp trong tiệm mà đốn, tu hành trong đốn mà tiệm, chứng quả trong tiệm mà đốn. Đốn tiệm là nhân thường, trong ngộ không mê muội.

- Trước định sau huệ, trước huệ sau định, định huệ cái nào sinh trước cái nào sinh sau là đúng?

- Thường sinh tâm thanh tịnh, trong định mà có huệ; ở trên cảnh mà không tâm, trong huệ mà có định; định huệ đồng không trước, tu cả hai tự tâm chánh.

- Trước Phật sau Pháp, trước Pháp sau Phật, nguồn gốc Phật Pháp từ đâu khởi?

- Nói, tức trước Phật sau Pháp, nghe, tức trước Pháp sau Phật. Nếu luận nguồn gốc Phật Pháp, xuất phát trong tâm tất cả chúng sinh.

*

Lục Tổ biết sắp đến ngày qui tịch nên họp chúng lại bảo:

- Ta đến tháng Tám sắp lìa thế gian, các người có nghị phải ra hỏi sớm, ta sẽ vì các người giải nghi, khiến các người hết mê lầm, sau khi ta đi rồi không có người dạy các người.

Toàn hội chúng đều khóc dầm dề, chỉ có Sư thần tình chẳng động, cũng không ứa nước mắt. Tổ bảo:

- Thần Hội tiểu sư lại được thiện ác, khen chê, vui buồn... đều chẳng động, các người chẳng bằng...

Sau Sư đến Tây Kinh thọ giới Cụ túc.

*

Niên hiệu Khai Nguyên năm thứ tám (720 T.L) vua Đường Huyền Tông thỉnh Sư về chùa Long Hưng tại Nam Dương, lại đến Lạc Dương. Ở đây, Sư đã thấp sáng ngọn đuốc Thiền tông đốn ngộ của Lục Tổ. Trước kia, hai kinh đô này chỉ dùng pháp thiền tiệm tu của ngài Thần Tú, đến nay mới nhận rõ đốn tiệm hai tông. Vì thế, phái thiền Thần Tú trước thịnh, từ đây suy dần dần.

Khoảng niên hiệu Thiên Bảo (742 – 756 T.L) Ngự sử Lưu Dịch a tòng cùng môn đồ Thần Tú tâu dối với vua rằng: “Sư nhóm họp đồ chúng manh tâm làm phản”. Vua Huyền Tông mời Sư về kinh đô để tham vấn. Ra mắt vua, Sư giải bày hợp lý, vua rất hài lòng. Vua mời Sư dời về ở Quân Bộ. Sau vua ra sắc lệnh đày Sư đến ở Viện Bát Nhã chùa Khai Nguyên tại Kinh Châu.

Sau vua Túc Tông xuống chiếu thỉnh Sư vào cung cúng dường và lập ngôi chùa Hà Trạch thỉnh Sư trụ trì ở đó. Nơi đây, Sư hiển phát tông phong của Lục Tổ, đồ chúng tham học rất đông.

*

Sư dạy chúng:

- Phạm người học đạo phải đạt tột nguồn gốc của mình; hàng Tứ quả Tam hiền đều gọi là điều phục; Bích Chi, La Hán chưa dứt hoài nghi; Đẳng giác, Diệu giác liễu đạt tường tận. Giác có cạn sâu, giáo có đốn tiệm. Tiệm giáo trải kiếp A-tăng-kỳ vẫn còn luân hồi; đốn giáo chỉ khoảnh co duỗi cánh tay liền lên Diệu giác. Nếu trước không giống đạo, luống học biết nhiều. Tất cả tại tâm, tà chính do mình. Không nghĩ một vật tức là tâm mình, không phải chỗ biết của trí. Không có hạnh nào riêng để ngộ vào đây. Pháp Tam-ma-đề chân thật không có đi đến, dứt mé trước sau. Nếu biết vô niệm là Tối thượng thừa, rộng suốt trời xanh chóng mở kho báu. Tâm chẳng phải sinh diệt, tính bất đổi dời. Tự tịnh thì niệm cảnh không sinh, vô tác thì vin theo tự dứt.

- Ngày xưa, ta đẩy chiếc xe bất thoát, nay được định huệ song tu, như bàn tay với cánh tay. Thấy thể vô niệm chẳng theo vật mà sinh, thường liễu ngộ Như Lai thì còn chỗ nào mà khởi. Nay huyễn chất này nguyên là thường chơn, tự tính như không, xưa nay không tướng. Đã đạt lý này thì còn gì sợ, gì buồn. Trời đất không thể đổi thể kia. Tâm về pháp giới, vạn tượng nhất như. Xa lìa suy tính, trí

đồng pháp tính. Ngàn Kinh muôn luận chỉ nói rõ tâm. Đã chẳng lập tâm tức thể hội chân lý, hoàn toàn không sở đắc. Bảo các học chúng không tìm cầu bên ngoài, nếu là Tối thượng thừa cần phải vô tác. Trân trọng !

*

Có người hỏi Sư:

- Vô niệm thì pháp có, không chẳng?

Sư đáp:

- Chẳng nói có không.

- Khi ấy thế nào?

- Cũng không khi ấy. Ví như gương sáng nếu không đối hình tượng trọn không thấy hình tượng, nếu thấy không vật mới là thấy gương thật.

*

Đời Đường niên hiệu Thượng Nguyên năm đầu (760 T.L) tháng năm đêm mười hai, Sư từ biệt đại chúng, đến nửa đêm thị tịch, thọ 93 tuổi. Vua sắc ban hiệu là Chơn Tông Đại Sư, tháp hiệu Bát Nhã, Sư có trước tác tập Hiển Tông Ký, hiện giờ còn lưu hành.



ĐỜI THỨ HAI SAU LỤC TỔ

I. PHÁI THIỀN SƯ HÀNH TU (có 1 vị):

Thiền sư Hy Thiên (Thạch Đầu)

II. PHÁI THIỀN SƯ HOÀI NHƯỢNG (có 9 vị):

1. Thiền sư Đạo Nhất (Mã Tổ)
2. Thiền sư Thường Hạo
3. Thiền sư Trí Đạt
4. Thiền sư Thản Nhiên
5. Thiền sư Thần Chiếu
6. Thiền sư Nghiêm Tuấn
7. Thiền sư Bồn Như (nước Tân La)
8. Thiền sư Huyền Ngang
9. Thiền sư Pháp Không

III. PHÁI THIỀN SƯ THẦN HỘI (có 18 vị):

1. Thiền sư Phước Lâm
2. Thiền sư Quang Bảo

3. Thiên sư Pháp Như
4. Thiên sư Tiến Bình
5. Thiên sư Huệ Diễn
6. Thiên sư Hoài Không
7. Thiên sư Viên Chấn
8. Thiên sư Quảng Phu
9. Thiên sư Hành Giác
10. Thiên sư Thần Anh
11. Thiên sư Vô Danh
12. Thiên sư Hạo Ngọc
13. Thiên sư Chí Mãn
14. Thiên sư Lãng
15. Thiên sư Linh Thản
16. Thiên sư Thông Ẩn
17. Thiên sư Nam Ẩn
18. Thiên sư Lý Thường

IV. PHÁI QUỐC SƯ HUỆ TRUNG (có 5 vị):

1. Thiên sư Ứng Chơn (Đam Nguyên)
2. Thiên sư Duy Giới
3. Vua Đường Túc Tông
4. Vua Đường Đại Tông
5. Tri Cổ.

7. THIÊN SƯ HY THIÊN (THẠCH ĐÀU) (695 – 785)

Sư họ Trần, quê ở Cao Yếu, Đao Châu. Lúc thọ thai Sư, mẹ thích ăn chay, không ưa đồ mặn. Khi còn hài nhi, Sư tự hành động lấy, không phiền mẹ săn sóc. Đến lớn khôn, Sư tự an ổn vui tươi, không khi nào tỏ vẻ không bằng lòng người. Ở thôn Động Liêu, dân chúng sợ quỷ thần nên lập nhiều miếu thờ, thường họp nhau mua rượu làm bò tế lễ. Một hôm, đi chơi thấy dân chúng tế lễ, Sư bèn phá miếu giựt bò đem về. Đến tuổi vài mươi, Sư từ già quyến thuộc đi xuất gia.

Nghe Lục Tổ Huệ Năng đang giáo hóa tại Tào Khê, Sư tìm đến thọ giáo. Lục Tổ độ Sư làm đệ tử. Sư chưa thọ giới Cụ túc, cũng chưa đạt đạo, Tổ đã báo tin sắp tịch, Sư hỏi Tổ:

- Sau khi Hòa Thượng viên tịch, con phải nương tựa nơi ai?

Tổ bảo:

- Tâm Tự đi.

Tổ tịch rồi, mỗi ngày Sư đến bên cạnh tháp ngồi tư duy

đến quên cả ăn ngủ. Có vị Thượng Tọa thấy thế hỏi:

- Thầy đã tịch, người làm gì ngồi đây mãi?

Sư thưa:

- Trước khi thầy tịch, tôi hỏi chỗ nương tựa, thầy dạy tâm Tư, nên tôi ngồi tư duy.

Thượng Tọa bảo:

- Người có sư huynh hiệu Hành Tư đang ở núi Thanh Nguyên, nên đến đó nương tựa, thầy dạy đã rõ, người còn nghi gì?

Nghe lời dạy này, Sư thu xếp đồ đạc, tìm đến núi Thanh Nguyên ra mắt Thiền sư Hành Tư. ⁽¹⁾

Một hôm Thiền sư Hành Tư hỏi:

- Có người nói Lãnh Nam có tin tức.

Sư thưa:

- Có người không nói Lãnh Nam không có tin tức.

- Nếu thế, đại tạng tiểu tạng từ đâu mà ra?

- Thấy từ trong ấy, trọn không thiếu việc lạ.

Thiền sư Hành Tư gật đầu.

Đời Đường niên hiệu Khai Nguyên thứ 16 (728 T.L), Sư đến La Phù thọ giới Cụ túc. Niên hiệu Thiên Bảo năm

(1) Phản đối đáp khi Sư đến núi Thanh Nguyên, xem lại bài Thiền sư Hành Tư

đầu (742 T.L) Sư tìm đến Hoàn Nhạc tại Nam TỰ, cạnh chùa phía đông có gộp đá cao giống như cái đài, Sư lên đó cất am tranh ở. Thời nhân kính trọng Sư nên gọi là Hòa Thượng Thạch Đầu.

*

Một hôm, thượng đường dạy chúng, Sư bảo:

- Pháp môn của ta do Phật trước truyền trao, không luận thiền định tinh tấn, chỉ đạt tri kiến Phật, tức Tâm tức Phật. Tâm, Phật, chúng sinh, Bồ-đề, phiền não tên tuy khác mà thể vẫn đồng. Các người nên biết, thể tâm linh của mình là tính đoạn và thường, không phải như sạch, lặng lẽ tròn đầy, phàm Thánh ngang bằng nhau, ứng dụng không lường, là tâm ý thức, ba cõi sáu đường chỉ do tâm mình hiện, như trăng đáy nước, bóng trong gương, đâu có sinh diệt. Các người khéo biết nó thì không gì chẳng đủ.

*

Đệ tử Đạo Ngộ hỏi:

- Ý chỉ Tào Khê người nào được?

Sư đáp:

- Người hội Phật pháp được.

- Thầy được chăng?

- Ta không hội Phật pháp.

*

Có vị Tăng hỏi:

- Thế nào là giải thoát?

Sư đáp:

- Ai trói người?

- Thế nào là Tịnh Độ?

- Cái gì làm như người?

- Thế nào là Niết Bàn?

- Ai đem sinh tử cho người?

*

Sư hỏi vị Tăng mới đến:

- Từ đâu đến?

Tăng thưa:

- Từ Giang Tây đến.

- Thấy Mã Đại sư chăng?

- Dạ thấy.

Sư bèn chỉ khúc cây bảo:

- Mã Đại sư sao giống cái này?

Tăng không đáp được, trở về thuật lại Mã Tổ.

*

Tăng hỏi:

- Thế nào là ý Tổ sư từ Ấn Độ sang?

Sư đáp:

- Hỏi cây cội cái đi?
- Con không hội.
- Ta cũng chẳng hội.

*

Đại Điền hỏi:

- Nói có nói không là hai cái đáng chê, xin thầy trừ?

Sư đáp:

- Một vật cũng không, trừ cái gì?

Sư lại hỏi:

- Đẹp bỏ cổ, họng, môi, lưỡi, người nói đi?

Đại Điền thưa:

- Không cái ấy.

Sư bảo:

- Như thế là người được vào cửa.

*

Đạo Ngộ hỏi:

- Thế nào là đại ý Phật pháp?

Sư đáp:

- Không được, không biết.
- Tiến lên lại có chỗ chuyển hay không?
- Hư không dài không ngại mây trắng bay.

*

Sư ở Nam Nhạc có nhiều vị thần linh hiện ra nghe pháp và xin thọ qui giới.

Đời Đường niên hiệu Quảng Đức năm thứ hai (763 T.L), đệ tử thỉnh Sư xuống Lương Đao xiển hóa. Từ đây, hóa chủ Hồ Nam là Thạch Đầu, hóa chủ Giang Tây là Mã Tổ.

Đến ngày rằm tháng chạp niên hiệu Trinh Nguyên năm thứ sáu (785 T.L), Sư viên tịch, thọ 91 tuổi, 63 tuổi hạ. Vua sắc ban là Vô Tế Đại Sư, thụy hiệu Kiến Tướng.

Sư trước tác một thiên Đồng Tham Khế có chú giải lưu hành khá rộng, lại có làm một bài ca thảo am:

THẢO AM CA

Ngô kết thảo am vô bảo bối

Phạn liễu tùng dung đồ thù khoái

Thành thời sơ kiến mao thảo tân

Phá hậu hườn tương mao thảo cái.

Trụ am nhơn, trấn thường tại

Bất thuộc trung gian dữ nội ngoại

Thế nhơn trụ xứ ngã bất trụ

Thế nhơn ái xứ ngã bất ái

Am tuy tiểu, hàm pháp giới

Phương trượng lão nhơn tương thế giải

Thượng thừa Bồ-tát tín vô nghi

Trung hạ văn chi tất sinh quái
Vấn thử am, hoại bất hoại?
Hoại dữ bất hoại chủ nguyên tại
Bất cư nam bắc dữ đông tây
Cơ thượng kiên lao dĩ vi tối.
Thanh tùng hạ, minh song nội
Ngọc điện châu lâu vị vi đối
Nạp bì mộng đầu vạn sự hư
Thử thời sơn Tăng đô bất hội.
Trụ thử am, hư tác giai
Thùy khoa phô tịch đồ nhân mãi
Hồi quang phản chiếu tiện qui lai
Khoách đạt linh căn phi hương bối
Ngộ Tổ Sư, thân huấn hối
Kết thảo vi am mặc sinh thối
Bách niên phao phước nhậm tung hoành
Bãi thủ tiện hành thả vô tội.
Thiên chủng ngôn, vạn ban giải
Chỉ yếu giáo quân trường bất muội
Dục thức am trung bất tử nhân
Khởi ly nhi kim giá bì đại.

DỊCH:

Bài ca THẢO AM

*Tôi cất am tranh không của báu
 Ăn xong thông thả ngủ ngon lành
 Khi thành nhìn thấy cỏ tranh xanh
 Lúc hồng lại tìm cỏ tranh lợp.
 Người chủ am, vẫn mãi còn
 Không thuộc khoảng giữa chẳng ngoài trong
 Chỗ trụ người đời, ta chẳng trụ
 Chỗ yêu người đời, ta chẳng yêu (ua).
 Am tuy nhỏ, trùm khắp giới
 Lão già phương trượng mới hiểu tường
 Bồ-tát Thượng thừa tin chẳng ngại
 Trung hạ nghe đây ắt lạ kỳ.
 Hôi am này, hoại chẳng hoại?
 Hoại cùng chẳng hoại chủ mãi còn
 Chẳng ở đông tây hoặc nam bắc
 Nền móng vững vàng là rất chắc.
 Dưới tùng xanh, trắng rọi song
 Điện ngọc lâu châu chưa dám đối
 Màn che chắn đắp muôn việc thôi*

*Khi này sơn Tăng toàn chẳng hội
Ở am này, thôi khởi nghĩ
Ai khéo trái chiếu mời người mua
Hồi quang phản chiếu là trở về
Đạt suốt linh căn không theo bỏ.
Gặp Tổ Sư, thân chỉ dạy
Kết cỏ làm am chớ thoái lui
Trăm năm bỏ sạch mặc tung hoành
Buông thông tay đi vẫn không tội.
Ngàn thứ nói, muôn điều hiểu
Chỉ cốt dạy anh thường chẳng muội
Muốn biết không chết, người trong am
Đâu rời dẫy da hiện nay có.*



8. THIÊN SƯ ĐẠO NHẤT (MÃ TỔ)⁽¹⁾ (709 – 788)

Sư họ Mã, quê ở huyện Thập Phương, Hán Châu. Thuở nhỏ, Sư dung mạo lạ thường, đi như trâu, nhìn như cọp, lưỡi dài khỏi mũi, dưới chân có hai khu ốc. Lúc bé, Sư đến chùa La Hán xin xuất gia với Hòa Thượng Đường ở Từ Châu. Sau Sư thọ giới Cụ túc nơi luật sư Viên ở Du Châu.

Đời Đường khoảng niên hiệu Khai Nguyên (713 – 742 T.L), Sư tập thiền định ở viện truyền pháp tại Hoàn Nhạc, nhân Thiền sư Hoài Nhượng giáo hóa được giải ngộ. Bạn đồng tham học với Sư có sáu người, chỉ riêng Sư được truyền tâm ấn.

Sau khi tạm biệt thầy, Sư đến Kiến Dương ở ngọn núi Phật Tích, kế dời sang Lâm Xuyên, sau lại đến núi Cung Công Nam Dương. Niên hiệu Đại Lịch (765 T.L) Liên soái Lộ Từ Cung và Linh Phong, Cảnh Mộ thỉnh Sư khai đường để truyền bá tông phong. Từ đây học giả bốn

(1) Vì người đời sau quá kính trọng Sư nên nhân Sư họ Mã gọi là Mã Tổ; Ông Tổ họ Mã

phương tụ về rất đông. Có thể nói Giang Tây là một trường thi Phật.

*

Một hôm Sư dạy chúng:

- Các người mỗi người tin tâm mình là Phật, tâm này tức là tâm Phật. Tổ Đạt Ma từ Nam Ấn sang Trung Hoa truyền pháp Thượng thừa nhất tâm, khiến các người khai ngộ. Tổ lại dẫn Kinh Lăng Già để ấn tâm địa chúng sinh. Sợ e các người điên đảo không tự tin pháp tâm này mỗi người tự có, nên Kinh Lăng Già nói: “Phật nói tâm là chủ, cửa không là cửa pháp” (Phật ngữ tâm vi tông, vô môn vi pháp môn).

Phàm người cầu pháp nên không có chỗ cầu, ngoài tâm không riêng có Phật, ngoài Phật không riêng có tâm, không lấy thiện chẳng bỏ ác, hai bên như sạch đều không nương cậy, đạt tính tội là không, mỗi niệm đều không thật, vì không có tự tính nên tam giới chỉ là tâm, sum la vạn tượng đều là cái bóng của một pháp, thấy sắc tức là thấy tâm, tâm không tự là tâm, nhân sắc mới có.

Các người chỉ tùy thời nói năng tức sự là lý, trọn không có chỗ ngại, đạo quả Bồ-đề cũng như thế. Nơi tâm sinh ra thì gọi là sắc, vì biết sắc không, nên sinh tức chẳng sinh. Nếu nhận rõ tâm này, mới có thể tùy thời ăn cơm mặc áo nuôi lớn thai thánh, mặc tình thảng ngày trôi qua, đâu còn có việc gì.

Các người nhận ta dạy hãy nghe bài kệ này:

Tâm địa tùy thời thuyết

Bồ-đề diệc chỉ ninh

Sự lý câu vô ngại

Đương sinh tức bất sinh.

DỊCH:

Đất tâm tùy thời nói

Bồ-đề cũng thế thôi

Sự lý đều không ngại

Chính sinh là chẳng sinh.

*

Có vị Tăng hỏi:

- Hòa Thượng vì cái gì nói tức tâm tức Phật?

Sư đáp: - Vì võ con nít khóc.

- Con nít nín rồi thì thế nào?

- Phi tâm phi Phật.

- Người trừ được hai thứ này rồi, phải dạy thế nào?

- Nói với y là “Phi vật”.

- Khi chợt gặp người thế ấy đến thì phải làm sao?

- Hãy dạy y thể hội đại đạo.

*

Có vị Tăng hỏi: - Ly tứ cú tuyệt bách phi, thỉnh thầy chỉ thẳng ý Tổ Sư từ Ấn độ sang?

Sư bảo: - Hôm nay ta mệt nhọc không thể vì người nói, người đến hỏi Trí Tạng.

Vị Tăng ấy đến hỏi Trí Tạng. Trí Tạng bảo:

- Sao không hỏi Hòa Thượng?

Tăng đáp: - Hòa Thượng dạy đến hỏi thầy.

Trí Tạng bảo: - Hôm nay tôi đau đầu, không thể vì ông nói, đến hỏi sư huynh Hải.

Tăng đến hỏi Hoài Hải, Hoài Hải bảo:

- Đến chỗ đó tôi cũng chẳng hội.

Tăng trở lại trình Sư, Sư bảo:

- Tạng đầu bạch, Hải đầu hắc.

*

Cư sĩ Long Uẩn đến hỏi:

- Nước không gân xương hay thủng chiếc thuyền muôn học, lý này thế nào?

Sư đáp: - Trong ấy không nước cũng không thuyền, nói gì là gân xương?

Uẩn hỏi:

- Người không lầm xưa nay, thỉnh thầy để mắt nhìn lên!

Sư liền nhìn thẳng xuống.

Uẩn nói:

- Một cây đờn cầm không dây, mà thầy đờn rất hay.

Sư liền nhìn thẳng lên. Uẩn lễ bái. Sư trở về phương trượng. Uẩn theo sau thưa:

- Vừa rồi muốn làm khéo trở thành vụng.

*

Một đêm, Trí Tạng, Hoài Hải, Phổ Nguyễn theo hầu Sư xem trăng.

Sư hỏi: - Ngay bây giờ nên làm gì?

Trí Tạng thưa: - Nên cúng dường.

Hoài Hải thưa: - Nên tu hành.

Phổ Nguyễn phủi áo ra đi.

Sư bảo: - Kinh vào Tạng, Thiên về Hải, chỉ có Phổ Nguyễn vượt ngoài sự vật.

*

Hoài Hải bảo: - Thế nào là chỉ thú Phật pháp?

Sư đáp: - Chính là chỗ người bỏ thân mạng.

Sư lại hỏi Hoài Hải: - Người lấy pháp gì chỉ dạy người?

Hoài Hải dựng đứng cây phát tử.

Sư bảo: - Chỉ thế thôi hay còn gì khác?

- Hoài Hải ném cây phát tử xuống.

*

Tăng hỏi: - Thế nào được hiệp đạo?

Sư đáp: - Ta sớm chẳng hiệp đạo.

Tăng hỏi: - Thế nào là ý Tổ Sư từ Ấn Độ sang?

Sư liền đánh và nói:

- Ta nếu không đánh ngươi, các nơi sẽ cười ta.

*

Đặng Ân Phong từ biệt Sư đi nơi khác, Sư hỏi:

- Đi đến đâu?

Ân Phong thưa: - Đi đến Thạch Đầu.

- Đường Thạch Đầu trơn.

- Có cây gậy tùy thân, gặp trường thì đùa.

Ân Phong vừa đi đến Thạch Đầu đi nhiều giòng thiên một vòng, dựng tích trượng động đất một tiếng, hỏi:

- Ấy là tông chỉ gì?

Thạch Đầu nói: - Trời xanh ! Trời xanh !

Ân Phong không đáp được, lại trở về thưa với Sư.

Sư bảo: - Ngươi nên đi lại bên ấy, nếu Thạch Đầu nói “Trời xanh!”, ngươi “Hur ! Hur !”.

Ân Phong lại đi đến Thạch Đầu làm như trước.

Thạch Đầu bèn: Hur ! Hur !

Ân Phong không đáp được, lại trở về trình với Sư.

Sư bảo: - Ta đã nói với ngươi “Đường Thạch Đầu trơn”.

*

Có vị giảng sư đến hỏi:

- Thiên tông truyền giữ pháp gì?

Sư hỏi lại: - Tọa chủ truyền giữ pháp gì?

- Tôi giảng được hơn hai mươi bốn kinh luận.

- Đâu không phải là sư tử con?

- Không dám.

Sư thốt ra tiếng: Hư ! Hư !

Giảng sư nói: - Đây là pháp:

- Là pháp gì?

- Pháp sư tử ra khỏi hang.

Sư bèn im lặng.

Giảng sư nói: - Đây cũng là pháp.

- Là pháp gì?

- Pháp sư tử ở trong hang.

- Không ra không vào là pháp gì?

Giảng sư không đáp được, bèn từ giã đi ra đến cửa,
Sư gọi: - Tọa chủ !

Giảng sư xoay đầu lại.

Sư hỏi: - Là pháp gì?

Giảng sư cũng không đáp được.

Sư bảo: - Ông thầy độn căn.

*

Một hôm Sư dạy chúng:

- Đạo không dụng tu, chỉ đừng ô nhiễm. Sao là ô nhiễm? – Có tâm sinh tử, tạo tác, thú hướng đều là ô nhiễm. Nếu muốn hội thẳng đạo ấy, tâm bình thường là đạo. Sao gọi là tâm bình thường? – Không tạo tác, không thị phi, không thủ xả, không đoan thường, không phạm Thánh. Kinh nói: “Chẳng phải hạnh phạm phu, chẳng phải hạnh Thánh hiền, là hạnh Bồ-tát”. Chỉ như hiện nay đi đứng ngồi nằm, ứng cơ tiếp vật đều là đạo. Đạo tức là pháp giới, cho đến diệu dụng như hà sa đều không ngoài pháp giới. Nếu chẳng phải vậy, tại sao nói “pháp môn tâm địa”, tại sao nói “vô tận đặng”? Tất cả pháp đều là pháp của tâm, tất cả tên đều là tên của tâm. Muôn pháp đều từ tâm sinh, tâm là cội gốc của muôn pháp. Kinh nói: “Biết tâm đạt cội nguồn nên hiệu là Sa-môn”. Tên đồng nghĩa đồng, tất cả pháp đều đồng thuận.

Nếu ở trong giáo môn được tùy thời tùy tại thì dựng lập pháp giới trọn là pháp giới, lập chân như là chân như, lập lý tất cả pháp trọn là lý, lập sự tất cả pháp trọn là sự, nắm đỡ một thì ngàn theo, sự lý không khác, toàn là diệu dụng. Lại không có lý riêng, đều do xoay lại của tâm. Ví như bao nhiêu bóng mặt trăng thì có, mà bao nhiêu mặt trăng thật thì không, bao nhiêu nguồn nước thì có, mà bao nhiêu tính nước thì không, bao nhiêu sum la vạn tượng thì có, mà bao nhiêu hư không thì không, bao nhiêu lời nói đạo lý thì có, mà bao nhiêu Huệ vô ngại thì không; bao nhiêu các thứ thành lập đều do một tâm. Dụng lập cũng được, dẹp hết cũng được, thấy là diệu dụng. Diệu dụng

trợn là nhà mình, chẳng phải lia chân mà có, nơi nơi đều chân, thấy đều là thể của nhà mình.

Nếu chẳng vậy, lại là người nào? Tất cả pháp đều là Phật Pháp, các pháp tức là giải thoát, giải thoát tức là chân như, các pháp không ngoài chân như, đi đứng ngồi nằm thấy là dụng bất tư nghi, không đợi thời tiết. Kinh nói: “Chỗ chỗ nơi nơi đều có Phật”. Phật là năng nhân, có trí huệ khéo hợp lòng người, hay phá lưới nghi cho tất cả chúng sinh; vượt ra vòng trói buộc của có và không v.v... tình chấp phàm Thánh hết, nhân pháp đều không, chuyển bánh xe không gì hơn, vượt các số lượng, việc làm không ngại, sự lý đều thông, như trời hiện mây, chợt có lại không, chẳng để lại dấu vết. Ví như vẽ nước thành lặn, không sinh không diệt. Đại tịch diệt tại triền gọi là Như Lai tàng, xuất triền gọi là Pháp thân thanh tịnh. Thể không tăng giảm, hay lớn hay nhỏ, hay vuông hay tròn, hợp vật hiện hình như trăng trong nước, vận dụng mênh mông, không lập mầm gốc chẳng hết hữu vi, không trụ vô vi. Hữu vi là dụng của vô vi, vô vi là chỗ nương của hữu vi, chẳng trụ chỗ nương, nên nói: “Như không chẳng chỗ nương”. Nghĩa tâm sinh diệt, nghĩa tâm chân như: Tâm chân như dụ như gương sáng soi vật tượng. Gương dụ tâm, vật tượng dụ pháp. Nếu tâm chấp pháp là dính với cái nhân bên ngoài, tức là nghĩa sinh diệt. Tâm không chấp pháp tức là nghĩa chân như.

Thịnh Văn tai nghe Phật tính. Bồ-tát mắt thấy Phật tính. Liễu đạt không hai gọi là bình đẳng tính. Tính không có khác, dụng thì chẳng đồng. Tại mê là thức, tại ngộ là trí.

Thuận lý là ngộ, theo sự là mê. Mê tức là mê bản tâm mình, ngộ là ngộ bản tính mình. Một phen ngộ là hằng ngộ chẳng trở lại mê. Như đang khi mặt trời mọc lên không trở lại tối. Mặt trời trí tuệ xuất hiện, không chung cùng cái tối phiền não. Liễu đạt cảnh giới của tâm liền trừ vọng tưởng. Vọng tưởng đã trừ tức là vô sinh. Pháp tính sẵn có, có chẳng nhờ tu. Thiền không thuộc ngồi, ngồi tức có chấp trước. Nếu thấy lý này là chân chính hiệp đạo, tùy duyên qua ngày, đứng ngồi theo nhau, giới hạnh huân thêm, nhóm nơi tịnh nghiệp. Chỉ hay như thế, lo gì chẳng thông.

Đệ tử của Sư được nhập thất (được vào thiền thất, là đã ngộ đạo) có đến 84 vị, mỗi người làm chủ một phương truyền hóa vô cùng.

Đời Đường niên hiệu Trinh Nguyên năm thứ tư (788 T.L) khoảng tháng giêng, Sư lên núi Thạch Môn, Kiến Xương, đi kinh hành trong rừng thấy chỗ hang động bằng phẳng, bèn bảo thị giả:

- Thân cũ mục của ta sẽ ở tháng sau và trở về nơi này. Nói xong, Sư trở về.

Đến ngày mừng bốn tháng hai, Sư có chút bệnh, tắm gội xong, ngồi kiết già nhập diệt, thọ 80 tuổi, được 60 tuổi hạ.

Sau vua sắc ban hiệu Đại Tịch.



ĐỜI THỨ BA SAU LỤC TỔ

A. PHÁI HÀNH TU

I. ĐỆ TỬ THIÊN SƯ HY THIÊN (có 21 vị):

1. Thiên sư Duy Nghiễm (Dược Sơn)
2. Thiên sư Thiên Nhiên (Đơn Hà)
3. Thiên sư Đạo Ngộ (Thiên Hoàng Tự)
4. Thiên sư Bảo Thông (Đại Điền)
5. Thiên sư Thị Lợi
6. Thiên sư Huệ Lãng
7. Thiên sư Chấn Lãng
8. Thiên sư Đại Xuyên
9. Thiên sư Thạch Lâu
10. Thiên sư Phật Đà
11. Thiên sư Hoa Lâm
12. Thiên sư Tỳ Quảng

13. Thiền sư Thủy Không
14. Thiền sư Bảo Thông
15. Thiền sư Đại Biện
16. Thiền sư Chử Kính
17. Thiền sư Đạo Tiên
18. Thiền sư Thường Thanh
19. Thiền sư Túy Thạch
20. Thiền sư Thương Lãnh
21. Thiền sư Nghĩa Hưng.

9. THIÊN SƯ DUY NGHIÊM (DUỘC SƠN) (751 – 834)

Sư họ Hàn, quê ở Ráng Châu. Năm 17 tuổi, Sư theo Thiên sư Huệ Chiếu ở Tây Sơn Triều Dương xuất gia. Đời Đường niên hiệu Đại Lịch thứ tám (774 T.L) Sư thọ Đại giới nơi Luật sư Hy Tháo ở Hoàn Nhạc. Sư học thông Kinh luận, nghiêm trì giới luật. Một hôm Sư tự than:

- Đại trượng phu phải rời pháp tự định, đâu thể theo việc vụn vặt, làm hạnh áo khăn này.

Sư tìm đến Thiên sư Hy Thiên (Thạch Đầu) hỏi:

- Đối Tam thừa mười hai phân giáo, con còn hiểu biết thô sơ, đến như thường nghe phương Nam nói: “Chỉ thẳng tâm người, thấy tính thành Phật”, thật con mù mịt. Cúi mong Hòa Thượng từ bi chỉ dạy.

Thiên sư Hy Thiên bảo:

- Thế ấy cũng chẳng được, không thế ấy cũng chẳng được, thế ấy không thế ấy đều chẳng được, người làm sao?

Sư mờ mịt không hiểu.

Thiên sư Hy Thiên bảo:

- Nhân duyên của người không phải ở đây, hãy đến chỗ Mã Đại Sư (Đạo Nhất).

Sư vâng lệnh đến yết kiến Thiên sư Đạo Nhất (Mã Tổ).
Sư thưa lại câu đã thưa với Thiên sư Hy Thiên.

Thiên sư Đạo Nhất bảo:

- Ta có khi dạy y nương mày chớp mắt, có khi không dạy y nương mày chớp mắt; có khi nương mày chớp mắt là phải, có khi nương mày chớp mắt là không phải, người làm sao?

Ngay câu nói này, Sư liền khế ngộ, bèn lễ bái.

Thiên sư Đạo Nhất hỏi:

- Người thấy đạo lý gì lễ bái?

Sư thưa:

- Con ở chỗ Thạch Đầu như con muỗi đậu trên trâu sắt.

Thiên sư Đạo Nhất bảo:

- Người đã biết như thế, tự khéo gìn giữ.

Sư ở đây hầu hạ ba năm.

Một hôm Thiên sư Đạo Nhất hỏi:

- Ngày gần đây chỗ thấy của người thế nào?

Sư thưa:

- Da mỏng da dày đều rớt sạch, chỉ có một chân thật.

Thiên sư Đạo Nhất bảo:

- Sở đắc của người đã hợp với tâm thể, khắp hết tứ chi.

Đã được như thế, nên đem ba cột tre cột da bụng, tùy chỗ ở núi đi.

Sư thưa:

- Con là người gì dám nói ở núi?

Thiền sư Đạo Nhất bảo:

- Chẳng phải vậy, chưa có thường đi mà chẳng đứng, chưa có thường đứng mà chẳng đi, muốn lợi ích không chỗ lợi ích, muốn làm không chỗ làm, nên tạo thuyền bè, không nên ở đây lâu.

Sư từ già Mã Tổ trở về Thạch Đầu.

*

Một hôm, Sư ngồi trên cục đá. Thạch Đầu trông thấy hỏi:

- Ngươi ở đây làm gì?

Sư thưa:

- Tất cả chẳng làm.

- Tại sao ngồi yên?

- Nếu ngồi yên tức làm.

- Ngươi nói chẳng làm, chẳng làm cái gì?

- Ngàn thánh cũng không biết.

Thạch Đầu dùng kệ khen:

Tùng lai cộng trụ bất tri danh

Nhậm vận tương tương chỉ ma hành

**Tự cổ thượng hiền du bất thức
Tạo thứ phàm lưu khởi khả minh.**

DỊCH:

*Chung ở từ lâu chẳng biết chi
Lặng lẽ theo nhau chi thế đi
Thượng hiền từ trước còn chẳng biết
Hướng bọn phàm phu đâu dễ tri.*

Thạch Đầu dạy:

- Nói năng động dụng chớ giao thiệp.

Sư thưa:

- Chẳng nói năng động dụng cũng chớ giao thiệp.

- Ta trong ấy mũi kim mảnh bụi chẳng lọt vào.

- Con trong ấy như trồng hoa trên đá.

Thạch Đầu ấn khả.

*

Sau Sư đến ở Dược Sơn Lẽ Châu, đồ chúng theo học rất đông. Một hôm Sư ngồi, Đạo Ngô, Vân Nham đứng hầu. Sư chỉ hai cây, một tươi, một khô đứng trên núi, hỏi Đạo Ngô:

- Khô là phải hay tươi là phải?

Đạo Ngô thưa:

- Tươi là phải.

Sư bảo:

- Sáng tỏ tất cả chỗ, quang minh xán lạn.

Sư lại hỏi Vân Nham:

- Khô là phải hay tươi là phải?

Vân Nham thưa:

- Khô là phải.

Sư bảo:

- Sáng tỏ tất cả chỗ, thôi dạy khô lạt.

Chợt Sa-di Cao đến. Sư hỏi:

- Khô là phải hay tươi là phải?

Sa-di Cao thưa:

- Khô là từ nơi khác mà khô, tươi là từ nơi khác mà tươi.

Sư nhìn Đạo Ngô, Vân Nham, bảo:

- Chẳng phải, chẳng phải.

*

Viện chủ thưa:

- Đánh chuông rồi, thỉnh Hòa Thượng thượng đường.

Sư bảo:

- Ông bụng dùm bát cho tôi.

- Hòa Thượng không tay từ bao giờ?

- Ông chỉ là uổng mặc ca-sa.
- Con chỉ là thế, Hòa Thượng thì sao?
- Ta không quyền thuộc ấy.

*

Thấy thầy Tri viên trồng rau, Sư bảo:

- Trồng thì không ngăn người trồng, chớ cho nó mọc rễ.

Thầy Tri viên thưa:

- Không mọc rễ thì đại chúng lấy gì ăn?

Sư bảo:

- Người có miệng sao?

Thầy Tri viên không đáp được.

*

Có vị Tăng hỏi:

- Tổ Sư chưa đến nước này (Trung Hoa), nước này có ý
Tổ Sư chăng?

Sư đáp:

- Có.
- Đã có ý Tổ Sư, lại đến làm gì?
- Bởi có, cho nên đến.

*

Sư xem Kinh, có vị Tăng thấy, hỏi:

- Hòa Thượng bình thường không cho chúng con xem

Kinh, vì sao Hòa Thượng lại xem?

Sư đáp:

- Ta xem chỉ để che mắt.
- Chúng con học theo Hòa Thượng được chăng?
- Nếu các người xem thì da trâu cũng lủng.

*

Thích sử Lý Tường ở Lăng Châu, nghe danh Sư, nhiều phen sai người đến thỉnh mà Sư không đi. Ông đích thân lên núi yết kiến Sư. Sư cầm quyển Kinh xem không nhìn lại. Thị giả bạch:

- Thái thú đến đây!

Lý Tường tính nóng nảy nói:

- Thấy mặt không bằng nghe danh.

Sư gọi:

- Thái thú !

Lý Tường:

- Dạ !

Sư bảo:

- Sao lại quý lỗ tai mà khinh con mắt?

Lý Tường chấp tay xin lỗi, rồi hỏi:

- Thế nào là đạo?

Sư lấy tay chỉ trên, chỉ dưới, hỏi:

- Hội chẳng?

Tường thưa:

- Chẳng hội.

Sư bảo:

- Mây ở trời xanh, nước trong bình (Vân tại thanh thiên, thủy tại bình).

Lý Tường vui mừng thỏa thích làm lễ, trình một bài kệ:

**Luyện đắc thân hình tợ nhận hình
Thiên châu từng hạ lưỡng hàm kinh
Ngã lai vấn đạo vô dư thuyết
Vân tại thanh thiên, thủy tại bình.**

DỊCH:

*Luyện được thân hình giống nhận hình
Dưới từng ngàn gốc hai hàm kinh
Ta tìm hỏi đạo không lời khác
Mây ở trời xanh, nước trong bình.*

Tường lại hỏi:

- Thế nào là giới định huệ?

Sư bảo:

- Bản đạo trong ấy không có gia cụ nhân này.

Lý Tường không lường nổi huyền chỉ.

Sư lại bảo:

- Thái thú muốn gìn giữ được việc này, cần phải tiến lên ngọn núi cao chót vót mà ngồi, xuống tận đáy biển sâu mà đi, việc trong khuê các nếu bỏ chẳng được bèn là lũng chảy.

*

Sư thượng đường dạy chúng:

- Tổ Sư chỉ dạy bảo hộ, nếu tham sân khởi lên cần phải phòng ngự, chớ cho khởi dậy. Các người muốn biết cây khô ở Thạch Đầu cần phải gánh vác, trợn không có cành lá. Tuy nhiên như thế, lại phải tự xem, không được bật ngôn ngữ. Nay ta vì các người nói ngôn ngữ ấy để hiển bày không ngôn ngữ, cái này xưa nay không tương mạo tai mắt...

*

Một đêm Sư lên núi đi kinh hành, chợt mây tan thấy trăng sáng, Sư cười to một tiếng, vang xa gần chín mươi dặm. Dân chúng ở xa nghe tiếng, hôm sau tìm đến hỏi Tăng chúng. Tăng chúng bảo:

- Đó là tiếng Hòa Thượng đêm qua ở trên núi cười.

Lý Tường nghe việc này lại làm bài thơ tặng:

Tuyển đặc u cư hiệp dã tình

Chung niên vô tống diệc vô nghinh

**Hữu thời trực thương cô phong đảnh
Nguyệt hạ phi vân tiếu nhất thính!**

DỊCH:

*Chọn nơi xa vắng hợp lòng quê
Năm tròn mặc khách đến hay về
Có khi tiến thẳng lên đỉnh núi
Mây tan trăng hiện tiếng cười hề!*

*

Đời Đường niên hiệu Thái Hòa, năm thứ tám (834 T.L),
tháng hai, sắp thị tịch, Sư kêu to:

Pháp đường ngã ! Pháp đường ngã !

Đại chúng đều mang cột đến chống.

Sư khoát tay bảo:

- Các người không hiểu ý ta.

Sư bèn từ giả chúng thị tịch, thọ 84 tuổi, 60 tuổi hạ.

Vua sắc phong là Hoàng Đạo Đại Sư, thụy hiệu là
Hóa Thành.



10. THIÊN SƯ THIÊN NHIÊN (ĐƠN HÀ) (738 – 824)

Không biết Sư quê quán ở đâu, chỉ biết Sư trước học Nho đi vào Trường An ứng thí, dừng nghỉ ở nhà trọ, chợt mộng thấy hào quang trắng đầy nhà. Người chiêm mộng đoán: “Điềm hiệu Không”. Gặp một thiền khách hỏi:

- Nhân giả đi đâu?

Sư đáp:

- Đi thi làm quan.

- Thi làm quan đâu bằng thi làm Phật?

- Thi làm Phật phải đến chỗ nào?

- Hiện nay ở Giang Tây có Mã Đại Sư ra đời, là trường thi làm Phật, nhân giả nên đến đó.

Sư bỏ thi, tìm đến Giang Tây ra mắt Mã Đại Sư (Đạo Nhất). Vừa thấy Mã Đại Sư, Sư bèn lấy tay giơ chiếc khăn trên đầu.

Mã Đại Sư nhìn giây lâu bảo:

- Nam Nhạc Thạch Đầu là thầy của ngươi.

Sư từ giả Mã Đại Sư đi sang Thạch Đầu.

Đến Thạch Đầu, Sư cũng làm giống như ở Mã Đại Sư.

Thạch Đầu bảo:

- Ra nhà sau đi.

Sư lễ tạ xong, vào phòng cư sĩ, luân phiên làm bếp ngót ba năm.

*

Một hôm Thạch Đầu bảo chúng:

- Ngày mai cắt cỏ ở trước điện Phật.

Sáng hôm sau, đại chúng mỗi người cầm liềm, cầm cuốc đến trước chùa làm cỏ. Chỉ riêng Sư lấy thau múc nước gội đầu, đến quì gối trước Hòa Thượng. Thạch Đầu thấy thế cười, liền cạo tóc cho Sư. Cạo xong, Thạch Đầu lại vì Sư nói giới. Sư bịt tai ra đi.

Sư trở lại Giang Tây yết kiến Mã Đại Sư. Chưa lễ ra mắt, Sư đi thẳng về Tăng đường trèo lên cổ tượng Thánh Tăng ngồi. Đại chúng kinh ngạc chạy báo cho Mã Đại Sư hay. Mã Đại Sư đích thân vào Tăng đường trông thấy bèn nói:

- Con ta. Thiên Nhiên.

Sư bèn bước xuống đất lễ bái, thưa:

- Cảm tạ thầy ban cho pháp hiệu.

Mã Đại Sư hỏi:

- Từ đâu đến?

Sư thưa:

- Từ Thạch Đầu đến.
- Đường Thạch Đầu trơn, người có té chẳng?
- Nếu có trượt té thì chẳng đến đây.

*

Từ biệt Mã Tổ, Sư đi dọc đường gặp một ông già dắt một đứa bé.

Sư hỏi:

- Ông nhà ở đâu?

Ông già đáp:

- Trên là trời, dưới là đất.

Sư bảo:

- Chợt gặp trời đổ đất sập thì sao?

Ông già đáp:

- Trời xanh ! Trời xanh !

Đứa bé: Hư ! Một tiếng.

Sư bảo:

- Không phải cha này chẳng sinh được đứa con kia.

Ông già dắt đứa bé vào núi mất.

*

Sư đi du phương, đến núi Thiên Thai, chót Hoa Đảnh dừng ở ba năm. sau đó, Sư viếng những nơi như Cảnh Sơn

yết kiến Thiên sư Quốc Nhất. Đời Đường khoảng niên hiệu Nguyên Hòa (806 – 821 T.L), Sư đến Lạc Kinh Long Môn Hương Sơn làm bạn với Hòa Thượng Phục Ngưu. Sư lại đến chùa Huệ Lâm, gặp lúc trời đại hàn, Sư bèn thỉnh tượng Phật gỗ đốt để hơ, Viện chủ Hương trông thấy quở:

- Sao đốt tượng Phật của tôi?

Sư lấy gậy bới tro nói:

- Tôi thiêu để lấy Xá lợi.

Viện chủ bảo:

- Phật gỗ làm gì có Xá lợi?

Sư nói:

- Đã không có Xá lợi thì thỉnh thêm hai vị nữa thiêu.

Viện chủ nghe câu nói này tất cả chấp đều tan vỡ.

*

Một hôm, Sư đến yết kiến Quốc sư Huệ Trung, trước hỏi thị giả:

- Quốc sư có ở nhà chăng?

Thị giả bảo:

- Ở nhà thì ở mà không thấy khách.

Sư bảo:

- Rất sâu xa thay!

Thị giả bảo:

- Mất Phật cũng nhìn chẳng thấy.

Sư khen:

- Rỗng sinh rỗng con, phượng sinh phượng con.

Quốc sư ngủ dậy, thị giả thuật lại, Quốc sư đánh thị giả hai chục gậy đuổi ra.

Sư nghe việc ấy bèn nói:

- Không làm là Nam Dương Quốc sư.

*

Hôm sau, Sư lại đến yết kiến Quốc sư, thấy Quốc sư, Sư bèn trải tọa cụ. Quốc sư bảo:

- Chẳng dùng, chẳng dùng.

Sư bước lui.

Quốc sư bảo:

- Như thế, như thế.

Sư tiến lại trước.

Quốc sư bảo:

- Chẳng phải, chẳng phải.

Sư đi quanh Quốc sư một vòng rồi lui ra.

Quốc sư bảo:

- Cách Phật đã xa người nhiều lười biếng, ba mươi năm sau tìm kẻ này lại khó được.

*

Sư đến thăm cư sĩ Long Uẩn, thấy con gái Long Uẩn là

Linh Chiếu đang rửa rau. Sư hỏi:

- Cư sĩ có nhà chăng?

Linh Chiếu buông rổ rau xuống, đứng khoanh tay.

Sư lại hỏi:

- Cư sĩ có nhà chăng?

Linh Chiếu bèn bung rổ rau lên đi thẳng.

Sư bèn trở về. Chốc lát sau, Long Uẩn về. Linh Chiếu đem việc vừa rồi thuật lại. Long Uẩn hỏi:

- Đơn Hà ở đâu?

Linh Chiếu thưa:

- Đã về.

Long Uẩn bảo:

- Con lấy đất đỏ nặn trâu.

Lại một hôm, Sư đến thăm Long Uẩn, vừa đến cửa gặp nhau.

Sư hỏi:

- Cư sĩ có nhà chăng?

Long Uẩn đáp:

- Đói chẳng chọn thức ăn.

Sư lại hỏi:

- Ông Long có nhà chăng?

Long Uẩn đáp:

- Trời xanh ! Trời xanh !

Nói xong Long Uẩn vào nhà.

Sư nói:

- Trời xanh ! Trời xanh !

Nói xong Sư trở về.

Hôm sau, Sư lại đến Long Uẩn, Sư bảo:

- Hôm qua thấy nhau đâu giống ngày nay.

Long Uẩn đáp:

- Đúng pháp nhắc lại việc hôm qua để làm con mắt quý.

- Chỉ như con mắt quý lại xem đến Long công chăng?

- Tôi ở trong con mắt của thầy.

- Con mắt tôi chật hẹp chỗ nào an thân?

- Là con mắt gì chật? Là thân nào an?

Sư thôi bỏ đi.

Long Uẩn nói:

- Lại nói lấy một câu là được tròn lời này.

Sư vẫn không nói.

Long Uẩn lại nói:

- Tựa trung một câu cũng không người nói được.

*

Đời Đường niên hiệu Nguyên Hòa thứ ba (808 T.L)

một hôm, Sư nằm ngang trên cầu Thiên Tân. Hội lưu thú là Trịnh Công ra đuổi mà Sư không dậy. Trịnh Công gạn hỏi nguyên do. Sư chậm rãi đáp:

- Tăng vô sự.

Trịnh Công lấy làm lạ, phát tâm dâng hai bó lụa và hai áo ngắn. Từ đây mỗi ngày, Trịnh Công thường dâng cúng gạo, bún. Dân chúng ở kinh đô Lạc Dương đồng qui kính Sư.

*

Đến hiệu Nguyên Hòa thứ mười lăm (820 T.L) vào mùa xuân, Sư bảo đồ đệ:

- Ta nhớ suối rừng chỗ gửi thân ngày già.

Môn đệ sai Tề Tịnh Phương đến Nam Dương núi Đôn Hà cất am cúng dường. Sư về núi Đôn Hà khoảng ba năm, những người học đạo tìm đến tham học số thường đến ba trăm. Chúng xây cất thành viện lớn.

Sư thượng đường dạy chúng:

- Tất cả các người đều phải bảo hộ một vật linh, chẳng phải các người tạo tác danh mạo, lại nói gì lại tiến cùng chẳng tiến. Ta ngày xưa yết kiến Hòa Thượng Thạch Đầu cũng chỉ dạy cần phải tự bảo hộ. Việc này không phải tự các người nói bàn mà được. Tất cả mỗi người các người đều tự có một chỗ đất ngồi, lại nghi cái gì? Thiên đâu phải là vật để các người hiểu, đâu có Phật khá thành. Một chữ Phật hăng không thích nghe. Các người tự xem thiện xảo

phương tiện từ bi hỷ xả chẳng phải từ ngoài được, chẳng dính một tác vuông, thiện xảo là Văn Thù, phương tiện là Phổ Hiền. Các người lại nghĩ tìm đuổi vật gì? Chẳng cần hằng cầu, chẳng rơi vào không. Học giả thời nay lăng xăng lộn xộn cho là tham thiền hỏi đạo. Ta đạo này không đạo có thể tu, không pháp có thể chứng, miếng ăn thức uống mỗi cái tự có phần, đâu cần phải nghi ngờ. Mỗi nơi mỗi chỗ có cái gì? Nếu biết Thích Ca tức là ông già phàm phu, các người phải tự xem xét lấy. Chớ để một người mù dẫn một đám mù kéo nhau rơi vào hầm lửa, đêm tối hai đường, màu sắc mập mờ. Vô sự trân trọng!

*

Có vị Tăng đến tham học, vừa đến chân núi gặp Sư, Tăng hỏi:

- Núi Đơn Hà phải đi đường nào?

Sư chỉ núi bảo:

- Chỗ xanh sâm sẫm.

Tăng thưa:

- Chớ chỉ cái ấy là phải sao?

Sư bảo:

- Thật sư tử con, một phen khêu động liền nhảy.

*

Sư hỏi vị Tăng:

- Nghỉ ở đâu?

Tăng thưa:

- Nghỉ dưới núi.

- Ăn cơm chỗ nào? Người đem cơm cho Xà-lê ăn có đủ
mất không?

Tăng không đáp được.

*

Niên hiệu Trường Khánh năm thứ tư (824 T.L) ngày
hai mươi ba tháng sáu, Sư gọi đệ tử bảo:

- Lấy nước nóng tắm, ta sắp đi đây.

Tắm xong, Sư đội mũ mang giày cầm trượng, duỗi một
chân chưa đến đất liền tịch, thọ 86 tuổi. Vua sắc phong là
Trí Thông Thiên Sư, tháp hiệu Diệu Giác.

*

Sư có làm hai bài “Ngoạn Châu Ngâm”, hiện còn
lưu hành.



11. THIÊN SƯ ĐẠO NGỘ (THIÊN HOÀNG TỰ) ⁽¹⁾ (747 – 806)

Sư họ Trương, quê ở Đông Dương, Vụ Châu. Lúc bé, Sư dung nghi thù đặc, không học mà biết. Năm mười bốn tuổi, Sư xin cha mẹ xuất gia, cha mẹ không cho, Sư thề bứt ăn bứt uống, mỗi ngày ăn một bữa, dần dần thân thể tiêu tụy. Cha mẹ bất đắc dĩ hứa cho Sư xuất gia.

Sư xuất gia với Đạo Đức ở Minh Châu. Năm hai mươi lăm tuổi, Sư đến chùa Trúc Lâm ở Hoàng Châu thọ giới Cụ túc. Sư tinh tấn tu hành giới luật trang nghiêm. Ban đêm, Sư thường ra gõ mả ngồi thiền, không kể gió mưa, chẳng chút sợ sệt.

Sau, Sư đến Cảnh Sơn yết kiến Thiên sư Quốc Nhất, nhận được tâm pháp, ở lại đây hầu năm năm. Niên hiệu Đại Lịch (766 T.L), Sư đến Chung Lăng yết kiến Mã Tổ, chỉ được ấn định lại những chỗ hiểu trước, không có pháp gì khác. Sư dừng lại đây hai năm.

(1) Đạo Ngộ có hai vị đồng thời đồng xứ, một vị ở chùa Thiên Hoàng đệ tử Thạch Đầu, một vị ở chùa Thiên Vương đệ tử Mã Tổ. Truyền Đăng Lục chép một vị là sai

Sư lại đến yết kiến Thạch Đầu. Đến Thạch Đầu, Sư hỏi:

- Lià định huệ lấy pháp gì dạy người?

Thạch Đầu đáp:

- Ta trong ấy không có nô tỳ, lia cái gì?

- Thế nào rõ được?

- Người chụp được hư không chăng?

- Thế ấy tức chẳng từ ngày nay đi.

- Chưa biết bao giờ người từ bên này đến?

- Đạo Ngộ chẳng phải người bên này.

- Ta đã biết trước chỗ người đến.

- Sao thầy lấy tang vật vu khống người?

- Thân người hiện tại.

- Tuy nhiên như thế, cứu cánh làm sao chỉ dạy người sau?

- Người nói ai là người sau?

Sư nhân đây đốn ngộ, đối với lời dạy của hai vị thầy trước tâm còn sở đắc, nơi đây sạch hết dấu vết.

*

Về sau Sư đến Kinh Châu ở núi Sài Tử Tương Đương, học chúng theo học rất đông. Dân chúng trong đô thành nghe danh lữ lượt kéo đến tham vấn. Trong đô thành có chùa Thiên Hoàng là nơi danh lam, bị hoả hoạn hư sập, thầy trụ trì là Linh Giám tìm cách xây cất lại. Linh Giám

ước rằng: “Nếu được Thiên sư Đạo Ngộ về làm hóa chủ ở đây là phước lớn của ta”. Lúc nửa đêm, Linh Giám đến cầu thỉnh Sư, Sư hoan hỉ nhận chịu. Từ đây về sau, Sư dừng trụ ở chùa Thiên Hoàng.

Có Bùi Công đến cúi đầu hỏi pháp, Sư trọn không đưa đón. Bùi Công càng kính trọng. Đối với khách, Sư không phân biệt sang hèn đều ngồi chào họ.

Có vị Tăng hỏi: - Thế nào là nói huyền diệu?

Sư đáp: - Chớ bảo ta hiểu Phật pháp.

- Nỡ để học nhân đeo nghi mãi sao?

- Sao chẳng hỏi lão Tăng?

- Hỏi rồi.

- Đi! Không phải chỗ người ngu.

Đời Đường niên hiệu Nguyên Hòa (806 T.L) tháng tư, Sư có chút bệnh bảo đệ tử báo trước ngày tịch. Đến ngày cuối tháng, chúng họp nhau đến thăm bệnh Sư. Bỗng nhiên, Sư gọi: Diển Tọa! Diển Tọa lại gần, Sư bảo:

- Hội chăng?

Diển Tọa thưa: - Chẳng hội.

Sư cầm chiếc gối ném xuống đất, rồi từ biệt chúng thị tịch. Sư thọ 60 tuổi, 35 tuổi hạ.



12. THIÊN SƯ BẢO THÔNG (ĐẠI ĐIÊN)

Không biết quê quán và tên tộc của Sư. Chỉ biết buổi đầu Sư đến tham vấn Thạch Đầu. Thạch Đầu hỏi:

- Cái gì là tâm người?

Sư thưa: - Nói năng là tâm.

Bị Thạch Đầu nạt đuổi ra.

Hơn một tuần, Sư lại đến hỏi:

- Trước đó đã chẳng phải, ngoại trừ cái này, gì là tâm?

Thạch Đầu bảo:

- Trừ bỏ nương mảy chợp mắt, đem tâm lại!

- Không tâm có thể đem lại.

- Nguyên lai có tâm sao nói không tâm? Không tâm trọn đồng với không.

Ngay câu nói ấy, Sư đại ngộ.

*

Một hôm Sư đứng hầu, Thạch Đầu hỏi:

- Người là Tăng tham thiền hay Tăng châu huyện?

Sư thưa:

- Tặng tham thiên.
- Sao là thiên?
- Nhường mày chớp mắt.
- Trừ ngoài nhường mày chớp mắt, đem “Bản lai diện mục” (bộ mặt thật xưa nay) của người ra trình xem?
- Trừ ngoài nhường mày chớp mắt, thỉnh Hòa Thượng xem con!
- Ta trừ xong.
- Con trình Hòa Thượng rồi.
- Người đã đem trình, tâm ta thế nào?
- Chẳng khác Hòa Thượng.
- Không quan hệ việc người.
- Vốn không vật.
- Người cũng không vật.
- Đã không vật tức vật thật.
- Vật thật không thể được. Tâm người thấy lượng ý chỉ như vậy phải khéo hộ trì.

*

Sau, Sư từ biệt Thạch Đầu đến Linh Sơn, Triều Châu, ở ẩn. Học chúng bốn phương qui tụ về khá đông.

Sư thượng đường dạy chúng:

- Phàm người học đạo chẳng biết bản tâm nhà mình.

đem tâm chỉ nhau mới có thể thấy đạo. Thấy nhóm người hiện thời phần nhiều chỉ nhận nương mảy chớp mắt, một nói một nín, chột nhận ẩn khả cho là tâm yếu, đây thật là chưa rõ. Nay ta vì các người nói trắng ra, mỗi người phải lắng nghe nhận lấy: “Chỉ trừ bỏ tất cả vọng động tướng niệm xét lường, tức chân tâm của người”. Tâm này cùng trần cảnh và khi kiềm giữ lặng lẽ hoàn toàn không dính dấp. Tức tâm là Phật không đợi tu sửa. Vì có sao? Vì hợp cơ tùy chiếu, lặng lẽ tự dùng, tốt chỗ dùng kia trọn không thể được. Bảo là diệu dụng chính là bản tâm, cần yếu hộ trì chớ nên dễ người.

Có vị Tăng hỏi:

- Trong kia, khi người thấy nhau thì thế nào?

Sư đáp:

- Trước chẳng có trong kia.

- Trong kia thế nào?

- Chẳng hỏi câu ấy.

*

Hàn Văn Công hỏi Sư:

- Hòa Thượng tuổi được bao nhiêu?

Sư cầm râu chuỗi gơ lên bảo:

- Hội chẳng?

Văn Công thưa:

- Chẳng hội.

Sư bảo:

- Ngày đêm trăm lễ tám.

Văn Công không hiểu trở về.

Hôm sau, Văn Công lại đến, vừa tới cửa gặp Thủ tọa, Văn Công thuật câu nói hôm qua của Sư, hỏi ý kiến thế nào? Thủ tọa vỗ răng ba cái. Văn Công vào trong gặp Sư, hỏi ý kiến hôm qua. Sư cũng vỗ răng ba cái.

Văn Công thưa:

- Nguyên lai Phật pháp không hai thứ.

Sư hỏi:

- Là đạo lý gì?

Văn Công thưa:

- Vừa đến hỏi Thủ tọa cũng như thế.

Sư gọi Thủ tọa hỏi:

- Phải người đáp như thế chẳng?

Thủ tọa thưa:

- Phải.

Sư đánh đuổi ra.

Lại một hôm Văn Công đến bạch Sư:

- Đệ tử ở quận châu nhiều việc, xin thầy cho một câu tóm tắt hết Phật pháp.

Sư lặng thinh.

Văn Công mờ mịt.

Lúc ấy Tam Bình làm thị giả đứng hầu, bèn gõ giường thiên ba cái.

Sư hỏi:

- Làm gì?

Tam Bình thưa:

- Trước lấy định động, sau lấy trí nhỏ.

Văn Công thưa:

- Môn phong Hòa Thượng cao vót, đệ tử từ bên thị giả được chỗ vào.

*

Có vị Tăng hỏi:

- Biển khổ sóng to lấy gì làm thuyền bè?

Sư bảo:

- Lấy cây làm thuyền bè.

- Thế nào được qua?

- Người mù nương kẻ mù trước, người câm nương kẻ câm trước.

Không biết Sư tịch lúc nào và nơi nào.



ĐỜI THỨ BA SAU LỤC TỔ

B. PHÁI HOÀI NHƯỢNG

ĐỆ TỬ THIÊN SƯ ĐẠO NHẤT (138 vị)

1. Thiên sư Hoài Hải (Bá Trượng)
2. Thiên sư Phổ Nguyên (Nam Tuyên)
3. Thiên sư Huệ Hải
4. Thiên sư Ấn Phong
5. Thiên sư Đạo Ngộ
6. Thiên sư Huệ Tạng
7. Thiên sư Trí Tạng
8. Thiên sư Vô Nghiệp
9. Thiên sư Pháp Hội
10. Thiên sư Trí Kiên
11. Thiên sư Quy Kiến
12. Thiên sư Đạo Hạnh
13. Thiên sư Đạo Thông

14. Thiền sư Lan Nương
15. Thiền sư Như Mãn
16. Thiền sư Pháp Thường (Đại Mai)
17. Thiền sư Đạo Minh
18. Thiền sư Từ Mãn
19. Thiền sư Hồng Ân
20. Thiền sư Tống Ấn
21. Thiền sư Bảo Vân
22. Thiền sư Thường Hưng
23. Thiền sư Hoài Uẩn
24. Thiền sư Minh Triết
25. Thiền sư Đại Nghĩa
26. Thiền sư Tự Tại
27. Thiền sư Bảo Tích
28. Thiền sư Đại Dục
29. Thiền sư Bảo Triệt
30. Thiền sư Tề An
31. Thiền sư Linh Mặc
32. Thiền sư Duy Khoan
33. Thiền sư Như Hội
34. Thiền sư Vô Đăng
35. Thiền sư Trí Thường
36. Thiền sư Quảng Trùng
37. Thiền sư Ô Cự
38. Thiền sư Thảo Đường
39. Thiền sư Đàm Tạng
40. Thiền sư Thiện Giác
41. Thiền sư Thần Giám

42. Thiền sư Pháp Tạng
43. Thiền sư Chí Hiền
44. Thiền sư Pháp Nhu
45. Thiền sư Bảo Khánh
46. Thiền sư Hoài Thản
47. Thiền sư Giác Bình
48. Thiền sư Khánh Vân
49. Thiền sư Huyền Hư
50. Thiền sư Thắng Biện.

13. THIỀN SƯ HOÀI HẢI (BÁCH TRƯỢNG) (724 – 814)

Sư họ Vương, quê ở Trường Lạc, Phước Châu. Lúc bé theo mẹ đi chùa lễ Phật, Sư chỉ tượng Phật hỏi mẹ: - Đây là gì? Mẹ bảo: - Phật. Sư nói: - Hình dung không khác với người, con sau cũng sẽ làm Phật. Sư xuất gia lúc còn để chóp và hằng chuyên cần tu học giới định huệ.

Sau, Sư đến tham học với Mã Tổ (Đạo Nhất) làm thi giả. Mỗi khi thí chủ đem trai phạn đến, Sư vừa giở lồng bàn ra, Mã Tổ liền cầm nửa cái bánh chỉ chúng hỏi: “Đây là gì?”. Như thế mãi đến ba năm.

Một hôm, Sư theo hầu Mã Tổ đi dạo, thấy một bầy vịt trời bay qua.

Mã Tổ hỏi:

- Đó là cái gì?

Sư thưa:

- Con vịt trời.

- Bay đi đâu?

- Bay qua.

Mã Tổ bèn nắm lỗ mũi Sư kéo mạnh, đau quá Sư la thất thanh.

Mã Tổ bảo:

- Lại nói bay qua đi.

Ngay câu ấy, Sư tỉnh ngộ.

Trở về phòng thị giả, Sư khóc lóc rất thống thiết. Những người đồng phòng nghe, hỏi:

- Huynh nhớ cha mẹ phải chăng?

Sư đáp:

- Không.

- Bị người ta mắng chửi chăng?

- Không.

- Tại sao khóc?

- Lỗ mũi tôi bị Hòa Thượng kéo đau thấu xương.

- Có nhân duyên gì không khế hội?

- Huynh hỏi Hòa Thượng đi.

Những vị ấy đến hỏi Mã Tổ:

- Thị giả Hải có nhân duyên gì chẳng khế hội ở trong phòng khóc, xin Hòa Thượng vì chúng con nói.

Mã Tổ bảo:

- Y đã khế hội, các người tự hỏi lấy y.

Các vị ấy về phòng hỏi:

- Hòa Thượng nói huynh đã hội, bảo chúng tôi về hỏi huynh.

Sư bèn cười: Hả ! Hả !

Các vị ấy bảo:

- Vừa rồi khóc, sao bây giờ cười?

Sư đáp: - Vừa rồi khóc, bây giờ cười.

Các vị ấy mờ mịt không hiểu.

Hôm sau Mã Tổ vừa lên tòa, chúng nhóm họp xong. Sư bước ra cuốn chiếu, Mã Tổ xuống tòa, Sư theo sau đến phương trượng.

Mã Tổ hỏi:

- Ta chưa nói câu nào, tại sao ngươi cuốn chiếu?

Sư thưa:

- Hôm qua bị Hòa Thượng kéo chót mũi đau.

- Hôm qua ngươi để tâm chỗ nào?

- Chót mũi ngày nay lại chẳng đau.

- Ngươi hiểu sâu việc hôm qua.

Sư làm lễ, lui ra.

*

Đứng hầu Mã Tổ, Sư thấy phát tử (đồ quét bụi) ở góc giường, Tổ lấy đưa lên, Sư bèn hỏi:

- Túc đây dùng, lia đây dùng?

Mã Tổ để phát tử lại chỗ cũ bảo:

- Về sau người mở miệng sẽ lấy cái gì vì người?

Sư cầm phát tử dựng đứng.

Mã Tổ hỏi:

- Túc đây dùng, lia đây dùng?

Sư để phát tử lại chỗ cũ.

Mã Tổ nghiêm chỉnh nạt một tiếng, đến ba ngày Sư còn điếc tai.

*

Sau, Sư về núi Đại Hùng ở Hồng Châu. Ngọn núi này cao vót đến trăm trượng nên thời nhân gọi Sư là Bá Trượng. Bốn phương học giả đua nhau đến tham học rất đông. Trong số học chúng có Thiên sư Hy Vận và Linh Hựu là hàng đầu.

Một hôm, Sư bảo chúng:

- Phật pháp không phải là việc nhỏ, lão Tăng xưa bị Mã Tổ một nạt đến ba ngày lỗ tai còn điếc.

Hy Vận nghe nói bất giác lè lưỡi.

Sư bảo:

- Con về sau thừa kế Mã Tổ chăng?

Hy Vận thưa:

- Không. Nay nhân Hòa Thượng nhắc lại, con được

thấy Mã Tổ đại cơ, đại dụng, nhưng vẫn không biết Mã Tổ. Nếu con thừa kế Mã Tổ, về sau mất hết con cháu của con.

Sư bảo:

- Đúng thế, đúng thế, thấy bằng với thầy là kém thầy nửa đực, thấy vượt hơn thầy mới kham truyền trao. Con hẳn có cái thấy vượt hơn thầy.

Hy Vận liền lễ bái.

*

Lại một hôm, có vị Tăng vừa đi vừa khóc đi thẳng vào pháp đường.

Sư hỏi:

- Làm gì?

Tăng thưa:

- Cha mẹ đồng thời chết, thỉnh thầy chọn ngày.

Sư bảo:

- Ngày mai đồng thời chôn.

*

Sư mỗi khi thượng đường dạy chúng có một ông già theo chúng nghe pháp. Hôm nọ, chúng ra hết chỉ còn ông già không đi. Sư hỏi:

- Ông là người gì?

Ông già thưa:

- Con chẳng phải người. Thời quá khứ thuở Đức Phật Ca Diếp, con làm Tăng ở núi này, nhân học trò hỏi: “Người đại tu hành lại rơi vào nhân quả chăng?”. Con đáp: “Không rơi vào nhân quả”. Do đó, đến năm trăm đời đọa làm thân chồn. Nay thỉnh Hòa Thượng chuyển một câu nói để con thoát khỏi thân chồn.

Sư bảo:

- Ông hỏi đi?

Ông già hỏi:

- Người đại tu hành có rơi vào nhân quả chăng?

Sư đáp:

- Không làm nhân quả.

Ngay câu nói ấy, ông già đại ngộ, làm lễ thưa:

- Con đã thoát thân chồn. Con ở sau núi, dám xin Hòa Thượng lấy theo lễ Tăng chết mà tống táng con.

Sư vào trong kê Duy-na đánh kiếng bảo chúng ăn cơm xong đưa đám một vị Tăng, đại chúng nhóm nhau bàn tán “Đại chúng đều mạnh, nhà dưỡng bệnh không có người nào nằm, tại sao có việc này?”.

Sau khi cơm xong, Sư dẫn chúng đến hang núi phía sau, lấy gậy khơi lên thấy xác một con chồn vừa chết, bèn làm lễ thiêu như vị Tăng.

*

Sư thượng đường dạy chúng:

- Linh quang chói sáng vượt khỏi căn trần, thể bầy chân thường không cuộc vắn tự, tâm tính không nhiễm vốn tự viên thành, chỉ lìa vọng duyên tức như như Phật.

Có vị Tăng hỏi:

- Thế nào là pháp yếu Đại thừa đốn ngộ?

Sư đáp:

- Các người trước dứt sạch các duyên, thôi hết muôn việc, tất cả các pháp thiện cùng chẳng thiện, thế gian và xuất thế gian chớ ghi nhớ, chớ duyên niệm, buông bỏ hết khiến tâm tự tại. Tâm như cây đá không có phân biệt, không có chỗ đi. Đất tâm nếu không, mặt trời trí huệ tự hiện. Như mây tan thì trăng hiện. Chỉ dứt tất cả thứ vin theo, tình cảm tham sân ái thủ như sạch đều hết. Đối với ngũ dục, bát phong không bị thấy nghe hiểu biết ràng buộc, không bị các cảnh làm mê hoặc, tự nhiên đầy đủ thần thông diệu dụng, ấy là người giải thoát.

Đối với tất cả cảnh, tâm không yêu không loạn, không thu nhiếp không phân tán, thấu tất cả thính sắc không bị dính ngại, gọi là Đạo nhân.

Thiện ác phải quấy đều không dùng, không mển một pháp, cũng không bỏ một pháp, gọi là người Đại thừa.

Không bị tất cả pháp thiện ác, không hữu, như sạch, hữu vi, vô vi, thế gian, xuất thế gian, phước đức trí huệ ràng buộc, gọi là Phật huệ.

Phải quấy, tốt xấu, đúng lý, phi lý, các tình cảm thấy biết hết sạch, không thể trói buộc, nơi nơi đều được tự tại, gọi là Bồ-tát mới phát tâm liền lên địa vị Phật.

Tăng hỏi:

- Đối tất cả cảnh làm sao tâm được như cây đá?

Sư đáp:

- Tất cả pháp vốn chẳng tự nói không, chẳng tự nói sắc, chẳng nói phải quấy như sạch, cũng không có tâm trói buộc người, chỉ tự người hư vọng tính chấp, tạo bao nhiêu thứ hiểu, khởi bao nhiêu thứ thấy biết, sinh bao nhiêu thứ yêu sợ. Cần phải nhận rõ các pháp không tự sinh, đều do một niệm vọng tưởng điên đảo của mình chấp tướng mà có. Biết tâm cùng cảnh vốn không đến nhau thì ngay nơi đó là giải thoát, mỗi mỗi pháp ngay nơi đó là lặng lẽ, ngay nơi đó là đạo tràng.

Lại, tính sẵn có không thể gọi tên, xưa nay không phải phạm không phải thánh, chẳng phải như sạch, chẳng phải hữu không, cũng chẳng phải thiện ác, cùng các pháp nhiệm hợp nhau, gọi là người trời Nhị thừa. Nếu tâm như sạch hết, chẳng trụ nơi ràng buộc, chẳng trụ nơi giải thoát, không tất cả tâm lượng hữu vi vô vi, phược thoát, ở nơi sinh tử tâm vẫn tự tại. Hoàn toàn không hòa hợp với uẩn, giới, sinh tử, các nhập, trần lao hư huyễn, siêu nhiên không nương tựa, tất cả không ràng buộc, đi ở không ngại, qua lại trong sinh tử như cửa mở.

Phàm người học đạo nếu gặp các thứ khổ vui, việc vừa

ý không vừa ý, tâm không lui sụt, chẳng để tâm đến danh dự lợi dưỡng ăn mặc, chẳng tham tất cả công đức lợi ích, không bị các pháp thế gian buộc ngại, không thân mến khổ vui, tâm hằng bình đẳng, ăn cơm hẩm cốt nuôi mạng sống, mặc áo vá chỉ để ngừa lạnh; ngơ ngơ như ngu như điếc, sẽ được ít phần tương ứng. Nếu trong tâm ham học rộng biết nhiều, cầu phước cầu trí, đều là ở trong sinh tử, đối với lý đạo thật vô ích, lại bị gió hiểu biết thổi trôi giạt trở lại trong biển sinh tử.

Phật là người không cầu, có cầu tức trái lý, lý không cầu này nếu cầu liền mất. Nếu chấp không cầu, lại đồng có cầu. Nếu chấp vô vi, lại đồng hữu vi. Cho nên Kinh nói: “Không thủ pháp không thủ phi pháp, không thủ phi phi pháp”. Lại nói: “Như Lai đã được pháp, pháp này không thực không hư”.

Nếu người hay một lúc tâm giống như cây đá, không bị ấm, giới, ngũ dục, bát phong thổi trôi giạt, liền đoạn được nhân sinh tử, đi đứng tự do, chẳng bị tất cả hữu vi nhân quả ràng buộc, chẳng bị hữu lậu câu thúc. Khi khác, trở lại đem thân không phước làm lợi ích chúng sinh, lấy tâm không phước ứng hợp tất cả tâm, dùng huệ không phước cỡi tất cả phước, cũng nói “hợp bệnh cho thuốc”.

Tăng hỏi:

- Như nay thọ giới rồi thân khẩu được thanh tịnh, lại làm đủ các việc thiện, như thế được giải thoát chăng?

Sư đáp:

- Được ít phần giải thoát, chưa được tâm giải thoát, chưa được tất cả chỗ giải thoát.

Tăng hỏi:

- Thế nào là tâm giải thoát và tất cả chỗ giải thoát?

Sư đáp:

- Chẳng cầu Phật, Pháp, Tăng, cho đến chẳng cầu phước trí tri giải, tình cảm như sạch hết, chẳng chấp tâm không cầu là phải, chẳng trụ chỗ hết, cũng chẳng mến thiên đường sợ địa ngục, trói buộc cởi mở không ngại, tức thân tâm và tất cả chỗ đều gọi giải thoát.

Người chớ có cho ít phần giới thân khẩu ý tịnh là xong, đâu biết môn giới định huệ như hà sa, mà vô lậu giải thoát toàn chưa dính một mảy.

Cố gắng! Nhằm hiện nay cố tìm xét lấy, đừng đợi mất mờ, tai điếc, tóc bạc, mặt nhăn, già khổ đến thân, buồn thảm triền miên mất hằng rơi lệ, trong tâm hoảng sợ không một nơi y cứ, chẳng biết chỗ đi. Đến khi ấy, muốn nghiêm chỉnh tay chân cũng không thể kiểm được, dù có phước trí, danh dự lợi dưỡng trọn không cứu được. Vì mắt tâm chưa mở, chỉ nhớ các cảnh, không biết phản chiếu, lại chẳng thấy Phật đạo. Một đời có tạo việc thiện ác thấy hiện ở trước, hoặc vui hoặc sợ, sáu đạo năm uẩn thấy bày hiện tiền. Trang sức nhà cửa ghe thuyền xe cộ đẹp đẽ hiển hách, đều từ tham ái của mình hiện ra, tất cả cảnh ác đều biến thành cảnh thù thắng. Chỉ tùy tâm tham ái chỗ nào nặng, nghiệp thức dẫn đến thọ sinh, hoàn toàn không có phần tự

do, rỗng súc tốt xấu trọn chưa định được.

Tăng hỏi:

- Thế nào được phần tự do?

Sư đáp:

- Hiện nay đối với ngũ dục bát phong lòng không lấy bỏ, xan tham tật đồ tham ái ngã sở đều hết, như sạch chẳng còn, như mặt trời mặt trăng trong hư không, không duyên mà chiếu. Tâm tâm như cây đá, niệm niệm như cứu lửa cháy dầu, cũng như con voi lớn qua sông vừa ùm xuống là đến bờ kia, không bị ngăn ngại. Người này không nhiếp thuộc về thiên đường hay địa ngục.

- Phàm học Kinh xem giáo lý, mỗi câu đều phải uyển chuyển xoay về nơi mình, tất cả ngôn giáo chỉ làm sáng tỏ tánh giác hiện nay của mình. Chỉ không bị tất cả cảnh có, không... lòi, là Đạo sư của người; hay chiếu phá tất cả cảnh có, không... là Huệ Kim Cương, tức có phần tự do tự tại. Nếu không như thế để hội đạo, dù có tụng được mười hai phần giáo cũng chỉ thành tăng thượng mạn, lại là người chê bai Phật, không phải là người tu hành. Chỉ lia tất cả thanh sắc, cũng chẳng trụ nơi lia, chẳng trụ nơi tri giải, là người tu hành.

Đọc Kinh xem giáo lý, nếu chiếu theo thế gian là việc tốt, nếu nhằm vào người minh lý thì thường đọc xem là kẻ bé tấc, người Thập địa vượt ra, không đi vào vòng sinh tử, nhưng giáo lý Tam thừa để trị bệnh tham, sân... như hiện nay niệm niệm nếu có bệnh tham, sân... thì trước phải trị

nó, chẳng cần tìm câu câu nghĩa hiểu biết. Hiểu biết thuộc về tham, tham thì trở thành bệnh. Như hiện nay chỉ lia tất cả pháp có, không, cũng lia cái lia vượt ngoài ba câu (có, không, chẳng phải có chẳng phải không), tự nhiên cùng Phật không khác. Đã tự là Phật, lo gì Phật không hiểu ngôn ngữ. Chỉ e không phải là Phật, bị các pháp có, không trói buộc chẳng được tự do. Bởi lý chưa vững, trước có phước trí, bị phước trí chở đi, như người nghèo ở trong cảnh sang. Không bằng trước vững lý, sau mới có phước trí. Nếu cần phước trí thì tạm thời làm được, nắm đất biến thành vàng, nắm vàng biến thành đất, biển nước biến thành tô lạc, đập núi Tu Di thành bụi nhỏ, hốt nước bốn biển dồn vào một lỗ chân lông, nơi một nghĩa làm vô lượng nghĩa, nơi vô lượng nghĩa làm một nghĩa.

*

Có vị Tăng hỏi:

- Cuộc cỏ chặt cây, khai mương đào đất, có tướng tội báo chăng?

Sư đáp:

- Không thể nói quyết định có tội, cũng không thể nói quyết định không tội, có tội không tội việc tại người đương thời. Nếu tham nhiễm tất cả pháp có, không... có tâm lấy bỏ, còn chưa vượt khỏi ba câu, người này nhất định nói có tội. Nếu vượt ngoài ba câu, tâm như hư không, cũng chẳng tương hư không, người này nhất định nói không tội.

Lại nữa. nếu tạo tội rồi, nói không thấy có tội thì thật

vô lý. Nếu không làm tội, mà nói có tội thì cũng thật vô lý. Như trong Luật, do mê giết người và chuyển tướng giết, còn không phạm tội sát. Huống là Thiền tông truyền trao nhau tâm như hư không, không dừng ở một vật, cũng không có tướng hư không, thì đem tội để ở chỗ nào?

*

Có vị Tăng hỏi:

- Thế nào là “Hữu tình không Phật tính, vô tình có Phật tính”?

Sư đáp:

- Từ người đến Phật là tình chấp Thánh, từ người đến địa ngục là tình chấp phàm. Chỉ như hiện nay đối hai cảnh phàm, Thánh có tâm nhiệm ái gọi là “Hữu tình không Phật tính”. Hiện nay đối hai cảnh phàm, Thánh và tất cả pháp có, không... trọn không có tâm lấy bỏ, cũng không cái hiểu biết không lấy bỏ, ấy là “Vô tình có Phật tính”. Chỉ không có tình ràng buộc, nên gọi vô tình. Không đồng với loài vô tình như: cây, đá, hư không, hoa vàng, trúc biếc, mà cho là có Phật tính. Nếu nói loài vô tình ấy có Phật tính, tại sao trong Kinh không thấy thọ ký được thành Phật? Chỉ cái giác chiếu soi hiện nay không bị hữu tình thay đổi, dụ như trúc biếc, ứng cơ biết thời tiết dụ như hoa vàng.

Lại, nếu bước lên nấc thang Phật thì vô tình có Phật tính, chưa bước lên nấc thang Phật thì hữu tình không Phật tính.

*

Hằng ngày làm công tác, Sư đều dẫn đầu trong chúng. Một hôm, chúng Tăng lên giấu dụng cụ không cho Sư làm, Sư tìm mãi không được, bảo:

- Tôi không có đức hạnh, đâu dám làm nhọc người.

Sư nhịn ăn hôm ấy, nên có câu “Một ngày không làm, một ngày không ăn” (Nhứt nhật bất tác, nhứt nhật bất thực). Sư có soạn bộ qui tắc trong nhà thiền, lấy tên là “Bá Trượng Thanh Qui”. Đời Đường niên hiệu Nguyên Hòa năm thứ chín (814 T.L) ngày mười bảy tháng giêng, Sư qui tịch, thọ 95 tuổi. Vua ban hiệu là Đại Trí Thiền Sư, tháp hiệu Đại Bảo Thắng Luân.



14. THIÊN SƯ PHỔ NGUYỄN (NAM TUYỀN) (749 – 834)

Sư họ Vương, quê ở Tân Trịnh, Trịnh Châu. Đời Đường niên hiệu Chí Đức thứ hai (758 T.L), Sư theo Thiên sư Đại Huệ ở núi Đại Ngung xuất gia học đạo. Năm 30 tuổi, Sư lên núi Cao Nhạc thọ giới Cụ túc. Lúc đầu, Sư học tập Tướng tông và Luật tông, kế tìm đến các nơi giảng Kinh Luận thọ học. Sư đã học được Kinh Lăng Già, Hoa Nghiêm, Trung Luận, Bách Luận...

*

Sau, Sư đến Mã Tổ bỗng nhiên “Được cá quên nôm” (đạt ý quên lời), được Du hý tam-muội (chính định ngao du tự tại). Một hôm, Sư bung cháo cho chúng Tăng, Mã Tổ hỏi: - Trong thùng thông là cái gì?

Sư thưa: - Ông già nên ngậm miệng, nói năng làm gì?

Mã Tổ bèn thôi.

Từ đây về sau, những bạn đồng tham học không ai dám gạn hỏi Sư điều gì.

*

Niên hiệu Trinh Nguyên thứ 11 (795 T.L), Sư tạm biệt Mã Tổ đi tìm nơi cất am. Sau khi rời Mã Tổ, Sư đồng đi với Thiên sư Bảo Vân, Trí Thường, Trí Kiên cả thầy bốn người. Đến giữa đường, sắp từ biệt nhau, Sư cảm gậy xuống đất bảo:

- Nói được cũng bị cái ấy ngại, nói không được cũng bị cái ấy ngại. Trí Thường liền nhổ gậy, đập Sư một gậy, rồi nói:

- Cũng chỉ cái ấy, Vương lão sư (thầy già họ Vương) nói cái gì ngại, chẳng ngại?

Bảo Vân nói:

- Chỉ một câu này truyền khắp thiên hạ.

Trí Thường hỏi:

- Lại có cái chẳng khắp chẳng?

Bảo Vân đáp:

- Có.

Trí Thường hỏi:

- Thế nào là cái chẳng khắp?

Bảo Vân ra bộ tát tai.

*

Bốn vị ngồi uống trà, Bảo Vân đưa chung trà lên nói:

- Khi thế giới chưa thành vẫn có cái ấy.

Sư bảo:

- Người nay chỉ biết cái ấy, chưa biết thế giới.

Trí Thường nói:

- Phải.

Sư bảo:

- Sư huynh đâu đồng cái thấy này.

Trí Thường lại đưa chung trà lên bảo:

- Khi thế giới chưa thành nói được chăng?

Sư ra bộ tát tai. Trí Thường đưa mặt nhận tát tai.

*

Sư đến núi Nam Tuyền cất am, ở mãi hơn ba mươi năm chưa từng xuống núi. Niên hiệu Thái Hòa năm đầu (827 T.L), Liêm sứ thành Tuyền Châu là Lục Công Tuyên nghe đạo phong của Sư bèn cùng Giám quân đồng đến thỉnh Sư xuống núi, với tư cách đệ tử thỉnh thầy. Từ đây, Sư mở rộng đạo huyền, số người tham học không khi nào dưới vài trăm. Các nơi gọi Sư là “Người mô phạm đất Dĩnh”.

*

Dưới núi Nam Tuyền có một am chủ, có người nói: “Gần đây có Hòa Thượng Nam Tuyền ra đời, sao ông không đến yết kiến?”. Am chủ bảo: “Chẳng những Nam Tuyền ra đời, dù có ngàn Đức Phật xuất thế, tôi cũng chẳng đến”. Sư nghe lời này, bèn sai Tùng Thảm (Triệu Châu) đi khám phá. Tùng Thảm đến làm lễ, am chủ chẳng thềm

nhìn. Tùng Thắm từ Đông qua Tây, lại từ Tây qua Đông, am chủ cũng chẳng nhìn. Tùng Thắm bảo: “Giặc cỏ đại bại”, bèn bỏ tấm màn xuống ra về. Tùng Thắm về thuật lại Sư nghe. Sư bảo:

- Ta từ lâu nghi lão ấy.

Một hôm, Sư đến Trang sở, Trang chủ dự bị đón tiếp. Sư hỏi:

- Lão Tăng ra vào thường không cho người biết, sao Trang chủ biết trước bày biện như vậy?

Trang chủ thưa:

- Đêm qua thổ địa mách ngày nay Hòa Thượng đến.

Sư bảo:

- Vương lão sư tu hành vô lực bị quỷ thần xem thấy.

Thị giả hỏi:

- Hòa Thượng đã là thiện tri thức, vì sao bị quỷ thần xem thấy.

Sư bảo:

- Trước thổ địa để một phần cơm.

*

Tùng Thắm hỏi:

- Đạo chẳng ngoài vật, ngoài vật chẳng đạo, thế nào là đạo ngoài vật?

Sư liền đánh, Tùng Thắm nắm gậy lại nói:

- Từ đây về sau chớ có đánh lầm người.

Sư bảo:

- Ròng rãn dễ phân biệt, nạp tử (Tăng sĩ) khó lường.

*

Một hôm, Sư đóng cửa phương trượng (nhà thầy trụ trì ở vuông vức một trượng), lấy tro rắc ngoài cửa, bảo:

- Nếu có người nói được liền mở cửa.

Có nhiều vị Tăng nói, mà không hợp ý Sư.

Tùng Thấm nói:

- Trời xanh !

Sư liền mở cửa.

*

Sư dạy chúng:

- Mã Tổ ở Giang Tây nói “Tức tâm tức Phật”, Vương lão sư chẳng nói thế ấy, mà nói “Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật”, nói thế có lỗi chẳng?

Tùng Thấm lễ bái đi ra.

Khi ấy có vị Tăng theo hỏi Tùng Thấm:

- Thượng Tọa lễ bái đi ra, ý thế nào?

Tùng Thấm bảo:

- Thầy nên hỏi Hòa Thượng.

Vị Tăng ấy đến hỏi Sư:

- Hành động vừa rồi của Thượng Tọa Thẩm, ý thế nào?

Sư bảo:

- Ông ấy đã nhận được ý chỉ của lão Tăng.

*

Nhà Đông, nhà Tây tranh nhau con mèo, Sư trông thấy, liền bảo chúng:

- Nói được là cứu con mèo, nói không được thì chém nó.

Chúng Tăng đều ngơ ngác không nói được. Sư liền chém con mèo. Tùng Thẩm ở ngoài đi vào. Sư dùng câu nói trước hỏi. Tùng Thẩm liền cởi giày để trên đầu đi ra. Sư bảo:

- Giá khi này có người ở đây, đã cứu được con mèo.

*

Lục Đại Phu hỏi Sư:

- Trong nhà đệ tử có một phiến đá, hoặc khi ngồi, hoặc khi nằm, nay tính đem làm tượng Phật được chăng?

Sư đáp:

- Được.

Đại Phu hỏi:

- Chẳng được chăng?

Sư đáp:

- Chẳng được.

Đại Phu hỏi:

- Đại Bi Bồ-tát dùng nhiều mắt tay như thế để làm gì?

Sư hỏi lại:

- Quốc gia dùng Đại Phu để làm gì?

*

Sư thượng đường dạy chúng:

- Vương lão sư từ nhỏ nuôi một con trâu đực, tính thả ăn ở khe Đông sợ e không khỏi phạm nước cỏ của quốc vương, tính thả ăn ở khe Tây cũng sợ không khỏi phạm nước cỏ của quốc vương, chi bằng tùy thời nhận chút ít trộn chẳng thấy được.

*

Sư thượng đường bảo:

- Phật Nhiên Đăng nói “Nếu tâm tướng khởi nghĩ sinh ra các pháp là hư giả chẳng thật”. Vì cơ sao? Vì tâm còn không có, lấy gì sinh ra các pháp, ví như bóng phân biệt hư không, như người lấy tiếng để trong rương, cũng như thổi lưới muốn được đầy hơi. Cho nên lão túc bảo “Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật”. Nói thế là dạy các huynh đệ chỗ đi vững chắc. Nói: “Bồ-tát Thập địa trụ chính định Thủ Lăng Nghiêm được pháp tạng bí mật của chư Phật, tự nhiên được tất cả thiên định giải thoát thân thông diệu dụng, đến tất cả thế giới khắp hiện sắc thân, hoặc thị hiện thành Phật chuyển bánh xe đại pháp, vào Niết-bàn, khiến vô lượng vào một lỗ chân lông, nói một câu trái vô lượng kiếp cũng không hết nghĩa, giáo hóa vô lượng ngàn ức chúng sinh được vô sinh pháp nhãn, còn gọi là sở tri

ngu vi tế”. Sở tri ngu cùng đạo trái nhau. Rất khó ! Rất khó! Trân trọng.

*

Sư thượng đường dạy chúng:

- Các người! Lão Tăng lúc mười tuổi đã biết kế sống, có ai biết kế sống ra trình, sẽ cùng người thương lượng, người ấy mới đáng ở núi.

Sư lặng thinh giây lâu, nhìn đại chúng chấp tay, nói:

- Vô sự! Trân trọng! Mỗi người tự tu hành.

Đại chúng vẫn ngồi yên.

Sư bảo:

- Huynh đệ người thời nay gánh Phật để trên vai mà đi, nghe lão Tăng nói: “Tâm chẳng phải Phật, trí chẳng phải đạo”, bèn hội họp suy nghĩ. Lão Tăng không có chỗ để các người suy nghĩ. Nếu các người trí hu không lấy gậy đập được, lão Tăng sẽ cho suy nghĩ.

Có vị Tăng ra hỏi:

- Từ Thượng Tổ cho đến Đại sư ở Giang Tây đều nói: “Tức tâm là Phật”, “Tâm bình thường là đạo”. Nay Hòa Thượng nói “Tâm chẳng phải Phật, trí chẳng phải đạo”, học nhân chắc sinh nghi ngờ, xin Hòa Thượng từ bi chỉ dạy.

Sư đáp:

- Người nếu là Phật thì đâu còn phải nghi, lại hỏi lão

Tăng chỗ gì? Có nhà bên cạnh nghi Phật như thế đến, lão Tăng chẳng phải Phật cũng chẳng từng thấy Tổ Sư, người nói như thế, tự tìm Tổ Sư đi!

Tăng thưa:

- Hòa Thượng nói như thế, dạy học nhân làm sao phù trì được?

Sư bảo:

- Người mau lấy tay bắt hư không đi!

Tăng thưa:

- Hư không không tướng không động, làm sao mà bắt?

Sư bảo:

- Người nói không tướng không động tức là động vậy. Hư không đâu biết nói “Ta không tướng không động”. Đây đều là tình kiến của người.

Tăng thưa:

- Hư không không tướng không động còn là tình kiến, trước Hòa Thượng dạy con bắt hư không là còn vật gì?

Sư bảo:

- Người đã biết không nên nói bắt, mà lại nghĩ làm sao phù trì?

Tăng thưa:

- Tức tâm là Phật đã chẳng được, thị tâm tức Phật được chẳng?

Sư bảo:

- Thị tâm thị Phật, thị tâm tác Phật, do tình chấp mà có, đều bởi tướng mà thành. Phật là người trí, tâm là chủ nhóm phân biệt, khi đối vật phát ra diệu dụng. Đại đức chớ nhận tâm, nhận Phật, dù nhận được cảnh ấy vẫn còn bị người gọi là sở tri ngu. Cho nên Đại sư ở Giang Tây bảo: “Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật”. Và lại đã dạy người sau các người chớ đi như thế. Người học thời nay mặc y phục nhà bên cạnh nghi như thế, muốn được rảnh việc có được chăng?

- Đã chẳng phải tâm chẳng phải Phật chẳng phải vật, nay Hòa Thượng lại nói “Tâm chẳng phải Phật, trí chẳng phải đạo”, chưa biết thế nào?

- Người chẳng nhận tâm là Phật, trí là đạo, lão Tăng chột được tâm lại để chỗ nào?

- Đã hoàn toàn chẳng được thì đâu khác hư không?

- Đã chẳng phải vật làm sao so với hư không, lại nói cái gì là khác chẳng khác?

- Chẳng lẽ không cái chẳng phải tâm chẳng phải Phật, chẳng phải vật?

- Người nếu nhận cái ấy, lại thành tâm Phật rồi.

- Thỉnh Hòa Thượng nói.

- Lão Tăng tự chẳng biết.

- Tại sao chẳng biết?

- Bảo ta nói làm sao?

- Đành chẳng cho học nhân hội đạo sao?

- Hội đạo gì? Lại làm sao hội?

- Con không biết.

- Không biết lại tốt. Nếu lấy lại lão Tăng cho là người nương tựa thông suốt, dù thấy Phật Di Lặc ra đời vẫn bị Ngài nhỏ hết lông đầu.

- Dạy người sau thế nào?

- Người tự xem, chớ lo những người sau.

- Trước Hòa Thượng chẳng cho con hội thông, giờ lại bảo con tự xem, chưa biết thế nào?

- Thâm hội, diệu hội, làm sao cho người hội?

- Thế nào là diệu hội?

- Lại muốn học ngữ của lão Tăng, dù có nói, là lão Tăng nói, Đại đức thế nào?

- Con nếu tự hội thì đâu phiền xin Hòa Thượng từ bi chỉ dạy?

- Không thể chỉ Đông chỉ Tây lừa người, người khi còn khóc tu oa! Tu oa! Sao chẳng đến hỏi lão Tăng? Bây giờ khôn ngoan mới nói con chẳng hội, mong cái gì? Nếu người đời này lọt lòng mẹ bèn nói ta xuất gia làm Thiền sư vậy khi chưa xuất gia từng làm việc gì, hãy nói xem, ta sẽ cùng người thương lượng?

- Khi ấy con chẳng biết.

- Đã chẳng biết thì hiện nay nhận được, có thể phải sao?

- Nhận được đã chẳng phải, không nhận được phải chăng?
- Nhận, chẳng nhận là lời nói gì?
- Đến trong ấy con càng chẳng hội.
- Người nếu chẳng hội, ta cũng chẳng hội.
- Con là học nhân tức chẳng hội, Hòa Thượng là thiện tri thức phải hội.

- Chỉ nói với người chẳng hội, ai luận thiện tri thức.

Chớ khôn xảo, xem như Mã Tổ lúc còn tại tiền, có một học sĩ đến hỏi: “Như nước không gân xương, hay thắng thuyền muôn đầu, lý này thế nào?”. Mã Tổ bảo: “Trong ấy không nước cũng không thuyền, luận gì gân xương”. Huynh đệ! Học sĩ ấy bèn thôi, đâu không tỉnh lược. Sở dĩ thường thường nói với các người Phật không hội đạo, ta tự tu hành, dùng biết để làm gì?

- Thế nào là tu hành?

- Không thể nghĩ lường, đâu thể nói với người tu như thế này, hành như thế này, đại nạn!

- Lại cho học nhân tu hành chẳng?

- Lão Tăng không thể ngăn người.

- Con làm sao tu hành?

- Cần hành thì hành, không nên chuyên tầm bộn khác.

- Nếu không nhờ thiện tri thức chỉ dạy thì không do đâu được hội? Như Hòa Thượng mọi khi nói “Tu hành phải hiểu mới được, nếu không hiểu thì rơi vào nhân quả,

không có phần tự do”. chưa biết tu hành thế nào khỏi vào nhân quả?

- Lại chẳng cần thương lượng. Nếu luận tu hành thì chỗ nào chẳng hành được?

- Thế nào hành được?

- Người không thể theo bọn kia tìm được.

- Hòa Thượng chưa nói dạy, con làm sao tìm?

- Giả sử nói chỗ tìm đó, vả như người từ sáng đến tối đi Đông, đi Tây, người còn không suy nghĩ nói, đi được chẳng được, người khác không thể biết được người.

- Ngay khi đi Đông đi Tây toàn không suy nghĩ, là phải chăng?

- Khi ấy, ai nói là phải chẳng phải?

*

Có vị Tăng hỏi:

- Trong hư không có một hạt châu làm sao lấy được?

Sư bảo: - Chặt tre làm thang bắc trong hư không lấy.

- Trong hư không làm sao bắc thang?

- Người nghĩ thế nào lấy?

*

Sư dạy chúng:

- Chỉ hội được tính từ vô lượng kiếp đến giờ không biến đổi tức tu hành, diệu dụng mà chẳng trụ tức là hạnh

Bồ-tát. Đạt các pháp không, diệu dụng tự tại, sắc thân tam muội rõ ràng. Hành lục ba-la-mật không, thì nơi nơi không ngại, dạo trong địa ngục như xem vườn đẹp, không thể nói y chẳng được tác dụng. Chúng sinh từ vô lượng kiếp đến giờ quên bản tính, chẳng tự liễu ngộ chân thể, bị mây trần che lấp, đắm mê sắc dục, như mây bay thấy trăng chạy, thuyền đi thấy bờ dời, tạm thời chia đường, chẳng được tự tại, thọ các thứ khổ chẳng tự hiểu biết. Đến hôm nay hội được tính bản lai, tính ấy cùng hiện giờ không khác.

*

Sư sắp tịch, Đề nhất tọa hỏi:

- Sau khi Hòa Thượng trăm tuổi đi về chỗ nào?

Sư bảo: - Làm con trâu dưới núi.

Tăng hỏi: - Con theo Hòa Thượng được chăng?

Sư bảo:

- Nếu người muốn theo ta phải ngậm theo một bó cỏ.

Niên hiệu Thái Hòa thứ tám (834 T.L) ngày rằm tháng hai, Sư có chút bệnh. Sáng hôm sau, Sư bảo chúng:

- Sao che đèn huyệt lâu vậy, chớ bảo ta có đi lại. Sư nói xong liền tịch, thọ 87 tuổi.



15. THIÊN SƯ HUỆ HẢI (ĐẠI CHÂU)

Sư họ Châu, quê ở Kiến Châu, theo Hòa Thượng Đạo Trí chùa Đại Vân ở Việt Châu xuất gia học đạo.

Sư đến tham vấn Mã Tổ.

Mã Tổ hỏi:

- Từ đâu đến?

Sư thưa:

- Ở Việt Châu chùa Đại Vân đến.

- Đến đây tính cầu việc gì?

- Đến cầu Phật pháp.

- Kho báu nhà mình chẳng đoái hoài, bỏ nhà chạy đi tìm cái gì? Ta trong ấy không có một vật, cầu Phật pháp cái gì?

Sư lễ bái thưa:

- Cái gì là kho báu nhà mình của Huệ Hải?

- Chính nay người hỏi ta, là kho báu của người, đầy đủ tất cả không thiếu thốn, tự do sử dụng, đâu nhờ tìm cầu bên ngoài.

Ngay câu này, Sư tự nhận bốn tâm không do hiểu biết, vui mừng lễ tạ. Sư ở hầu Mã Tổ sáu năm.

*

Vì bốn sư tuổi già, Sư phải về phụng dưỡng. Từ đây, Sư tàng ẩn chỗ thâm ngộ của mình, chỉ hiện bề ngoài như kẻ tầm thường. Sư có soạn quyển “Đốn Ngộ Nhập Đạo Yếu Môn Luận”, bị Huyền Ấn là cháu trong pháp môn lên lấy đến trình Mã Tổ.

Mã Tổ xem xong, bảo chúng:

- Việt Châu có Đại Châu (hạt châu lớn) tròn sáng thấu suốt tự tại không ngại.

Khi ấy, ở trong chúng có người biết Sư họ Châu bèn rủ nhau lần lượt tìm đến Sư, thưa hỏi và nương tựa. Từ đó, người ta gọi sư là Đại Châu Hòa Thượng.

*

Sư bảo những vị đến tham vấn:

- Thiên khách! Tôi chẳng hội thiên, trọn không có một pháp có thể chỉ dạy người, không phiền các vị đứng lâu, hãy tự đi nghĩ.

Tuy vậy, mà học chúng dần dần thêm đông, ngày đêm thưa hỏi. Sư bất đắc dĩ vì hỏi giải đáp, biện tài không ngại.

*

Có vài vị pháp sư đến hỏi:

- Định hỏi một câu, thầy có vui lòng đáp lại chăng?

Sư bảo:

- Bóng trăng dưới đầm sâu, mặc ý mò bắt.
- Thế nào là Phật?
- Hồ nước trong đối diện, chẳng phải Phật là gì?

Các vị ấy còn ngỡ ngàng, không biết gì cả. Giây lâu có vị lại hỏi: - Thầy nói pháp gì độ người?

- Bản đạo chưa từng có một pháp gì độ người.
- Thiền sư nhà tối như thế.
- Đại đức nói pháp gì độ người?
- Giảng Kinh Kim Cương Bát Nhã.
- Giảng được bao nhiêu lần?
- Hơn hai mươi lần.
- Kinh này ai nói?

Pháp sư đằng hắng lên giọng gắt:

- Thiền sư khéo nói đùa, há không biết Phật nói sao?
- “Nếu nói Như Lai có nói pháp là chê bai Phật, người ấy không hiểu nghĩa ta nói” (Kinh Kim Cương). Nếu nói Kinh này không phải Phật nói tức là phỉ báng Kinh. Thỉnh Đại đức nói xem?

Pháp sư im lặng không đáp được.

Sư lại hỏi:

- Kinh nói: “Nếu lấy sắc thấy Ta, lấy âm thanh cầu Ta,

người ấy hành đạo tà, không thể thấy Như Lai”. Đại đức hãy nói cái gì là Như Lai?

- Đến chỗ này tôi mê hẳn.

- Từ trước đến giờ chưa từng ngộ, nói cái gì là mê?

- Thỉnh Thiên sư vì tôi nói!

- Đại đức giảng Kinh hơn hai mươi lượt, lại chưa biết Như Lai?

Pháp sư lại lễ bái, cầu xin chỉ dạy.

Sư bảo:

- Như Lai là nghĩa như của các pháp, đâu thể quên được.

- Phải. Là nghĩa như của các pháp.

- Đại đức nói phải, cũng chưa phải.

- Văn Kinh rõ ràng đâu thể chưa phải?

- Đại đức “Như” chẳng?

- Như.

- Cây cỏ như chẳng?

- Như.

- Đại đức như, đồng cây cỏ như chẳng?

- Không hai.

- Đại đức cùng cây cỏ đâu khác?

Pháp sư không đáp được, im lặng giây lâu lại hỏi:

- Thế nào được Đại Niết-bàn?

- Chẳng tạo nghiệp sinh tử.

- Thế nào là nghiệp sinh tử?

- Cầu Đại Niết-bàn là nghiệp sinh tử, bỏ như lấy sạch là nghiệp sinh tử, có đắc có chứng là nghiệp sinh tử, không vượt khỏi môn đối trị là nghiệp sinh tử.

- Thế nào chóng được giải thoát?

- Vốn tự không phược (trói buộc) chẳng cần cầu giải thoát, dùng thẳng hành thẳng là không thứ bậc.

Pháp sư khen:

- Thiên sư như Hòa Thượng thật là ít có.

Khen xong, Pháp sư lễ tạ lui ra.

*

Có vị cư sĩ đến hỏi:

- Tức tâm tức Phật, cái gì là Phật?

Sư bảo:

- Ông nghi cái gì không phải Phật chỉ ra xem!

Cư sĩ lặng thinh.

Sư nói tiếp:

- Đạt thì khắp cảnh là Phật, chẳng ngộ hằng trái xa.

*

Có Luật sư hiệu Pháp Minh đến nói:

- Các Thiên sư phân nhiều rơi vào không.

Sư bảo:

- Trái lại, các Tọa chủ phần nhiều rơi vào không.

Pháp Minh hoảng sợ hỏi:

- Tại sao rơi vào không?

- Kinh luận là giấy mực văn tự, giấy mực văn tự đều là không, dù trên tiếng dựng lập danh, cú, văn, thân, đầu chẳng phải là không, Tọa chủ bám chặt vào giáo thể đầu chẳng rơi vào không?

- Thiên sư rơi vào không chẳng?

- Văn tự v.v... đều từ trí huệ mà sinh, đại dụng hiện tiền đầu thể rơi vào không.

- Cho biết một pháp không đạt, chẳng gọi là tất đạt.

- Luật sư chẳng những rơi vào không, lại còn dùng lầm danh ngôn.

Pháp Minh đổi sắc mặt hỏi: - Lầm chỗ nào?

- Luật sư chưa rành âm Trung Hoa và Phạn, làm sao giảng thuyết?

- Thỉnh Thiên sư chỉ ra chỗ lầm của Pháp Minh?

- Đầu chẳng biết “Tất Đạt” là tiếng Phạn sao?

Pháp Minh tuy nhận thấy lỗi, mà tâm vẫn còn giận, lại hỏi:

- Phàm Kinh, Luật, Luận là lời Phật, đọc tụng y giáo phụng hành, sao chẳng thấy tính?

- Như chó điên đuổi bóng, sư tử ăn thịt người. Kinh, Luật, Luận là tự tính dụng, người đọc tụng là tính pháp.

- Phật A Di Đà có cha mẹ và họ chăng?

- Phật A Di Đà họ Kiều Thi Ca, cha tên Nguyệt Thượng, mẹ tên Thù Thắng Diệu Nhan.

- Xuất phát từ Kinh điển nào?

- Xuất phát từ tập Đà La Ni.

Pháp Minh lễ tạ khen ngợi lui ra.

*

Có vị Pháp sư thông Tam tạng đến hỏi:

- Chân như có biến đổi chăng?

Sư đáp:

- Có biến đổi.

- Thiền sư lầm.

- Đại đức có chân như chăng?

- Có.

- Nếu không biến đổi quyết định Đại đức là phàm Tăng. Đâu chẳng nghe: “Thiền trí thức hay chuyển ba độc thành ba món tịnh giới, chuyển sáu thức thành sáu thần thông, chuyển phiền não thành Bồ-đề, chuyển vô minh thành đại trí chân như”. Nếu không biến đổi, Đại đức thật là ngoại đạo chủ trương tự nhiên vậy.

- Nếu vậy chân như tức có biến đổi.

- Nếu chấp chân như có biến đổi cũng là ngoại đạo.

- Thiền sư vừa nói chân như có biến đổi, giờ lại nói không biến đổi, vậy thế nào thực đúng?

- Nếu người thấy tính rõ ràng, như hạt châu ma-ni hiện sắc, nói biến đổi cũng được, nói không biến đổi cũng được. Nếu người không thấy tính, nghe nói chân như biến đổi bèn hiểu biến đổi, nghe nói không biến đổi bèn hiểu không biến đổi.

Pháp sư khen:

- Nên biết, Nam tông (Thiền đốn ngộ miền Nam) không thể lường.

*

Luật sư Nguyên đến hỏi:

- Hòa Thượng tu có dụng công chẳng?

Sư đáp:

- Dụng công.

- Dụng công thế nào?

- Khi đói thì ăn, khi mệt thì ngủ.

- Tất cả người đều như vậy, đồng chỗ dụng công của thầy chẳng?

- Chẳng đồng.

- Tại sao chẳng đồng?

- Họ khi ăn chẳng chịu ăn, đòi trăm thứ cần dùng,

khi ngủ chẳng chịu ngủ, tính toán ngàn chuyện, do đó chẳng đồng.

Nguyên im lặng.

*

Đại đức Uẩn Quang đến hỏi:

- Thiên sư tự biết chỗ sinh chẳng?

Sư đáp:

- Chưa từng từ đâu cần luận sinh. Biết sinh tức là pháp không sinh, chẳng là pháp sinh nói có không sinh. Tổ Sư nói: “Chính cái sinh tức không sinh”.

- Người không thấy tính cũng được như vậy chẳng?

- Tự chẳng thấy tính chẳng phải không tính. Vì sao? Thấy tức là tính, không tính thì không thể thấy. Thức tức là tính, nên gọi thức tính. Liễu tức là tính, nên gọi liễu tính. Hay sinh muôn pháp gọi là pháp tính, cũng gọi là pháp thân. Tổ Sư Mã Minh nói: “Nói là pháp tức là tâm chúng sinh, nếu tâm sinh nên tất cả pháp sinh, nếu tâm không sinh, pháp không nương đâu sinh, cũng không danh tự”. Người mê không biết pháp thân không hình tượng hay ứng vật hiện hình, bèn nói: “Trúc biếc xanh xanh đồng là pháp thân, hoa vàng mịt mịt thấy đều Bát Nhã” (Thanh thanh thúy trúc tổng thị pháp thân, uất uất hoàng hoa vô phi Bát Nhã. Hoa vàng nếu là Bát Nhã, Bát Nhã tức đồng vô tính, trúc biếc nếu là pháp thân, pháp thân tức đồng cây cỏ. Như người ăn măng tức là ăn pháp thân.

Những lối nói như thế đâu thể kể chép hết. Đối diện mê Phật nhiều kiếp mong cầu, trong pháp thể mà mê lầm, chạy tìm kiếm bên ngoài. Thế nên, người hiểu đạo đi đứng nằm ngồi đều là đạo, người ngộ pháp tung hoành tự tại đều là pháp.

- Hư không hay sinh linh tri chẳng? Chân tâm duyên thiện ác chẳng? Người tham dục là đạo chẳng? Người chấp phải quấy về sau tâm thông chẳng? Người xúc cảnh sinh tâm có định chẳng? Người trụ chỗ yên lặng có huệ chẳng? Người ôm lòng khinh người có ngã chẳng? Người chấp không chấp hữu có trí chẳng? Người tầm văn thủ chứng, người khổ hạnh cầu Phật, người lia tâm cầu Phật, người chấp tâm là Phật, trí này hợp đạo chẳng? Thỉnh Thiền sư mỗi mỗi vì đáp.

- Hư không chẳng sinh linh tri, chân tâm chẳng duyên thiện ác, người chìm sâu trong tham dục căn cơ cạn, người phải quấy lăng xăng chưa thông, người xúc cảnh sinh tâm ít định, người yên lặng quên hết là huệ chìm, người khinh người cao mạn là ngã mạn, người chấp không chấp có đều ngu, người tầm văn thủ chứng thêm kẹt, người khổ hạnh cầu Phật là mê, lia tâm cầu Phật là ngoại đạo, chấp tâm là Phật là ma.

- Nếu như thế thì rốt ráo không thể có?

- Rốt ráo là Đại đức, chẳng phải rốt ráo không thể có.

Uẩn Quang vui mừng lễ tạ.

*

Tọa chủ giảng Kinh Duy Ma Cật hỏi:

- Kinh nói: “Lục sư v.v..., ngoại đạo kia là thầy của người, nhân kia xuất gia, thầy kia bị đọa người cũng theo đó mà đọa. Người thí cho người chẳng gọi phước điền, cúng dường cho người đọa trong ba đường ác. Chê Phật, hủy Pháp, chẳng vào chúng số, trọn chẳng được diệt độ. Người nếu như thế mới nên nhận thức ăn” (Kinh Duy Ma).
Thỉnh Thiên sư vì giải thích.

Sư đáp:

- Người mê chạy theo sáu căn gọi là lục sư, ngoài tâm cầu Phật gọi là ngoại đạo, thấy có vật để thí chẳng gọi phước điền, sinh tâm nhận cúng dường đọa ba đường ác. Người nếu hay chê bai Phật là chẳng dám cầu Phật, hủy báng Pháp là chẳng dám cầu Pháp, chẳng vào chúng số là chẳng dám cầu Tăng, trọn chẳng được diệt độ là trí dụng hiện tiền. Nếu có người hay hiểu như thế liền được thức ăn thiền duyệt pháp hỷ.

*

Tọa chủ hỏi:

- Kinh Bát Nhã nói: “Độ chín loài chúng sinh đều vào Vô dư Niết-bàn”, lại nói: “Thật không chúng sinh được diệt độ”. Hai đoạn văn Kinh này làm sao hội thông? Người xưa nay đều nói: “Thật độ chúng sinh mà chẳng nhận tướng chúng sinh”. Tôi còn nghi chưa giải quyết, thỉnh Thiên sư vì giải thích.

- Chín loài chúng sinh trong một thân đầy đủ, tùy tạo tùy hành: vô minh là noãn sinh (sinh bằng trứng), ôm ấp phiền não ở trong là thai sinh (sinh bằng bào thai), nước ái thấm ướt là thấp sinh (sinh chỗ ẩm ướt), nóng nảy khởi phiền não là hóa sinh (từ loài này hóa sinh loài khác). Ngộ tức là Phật, mê gọi là chúng sinh. Bồ-tát chỉ lấy tâm sinh niệm niệm làm chúng sinh, nếu rõ tâm ở trên bản tế (nguồn tâm) của mình mà độ lúc chưa hiện bày, chưa hiện bày đều không, tức biết thật không có chúng sinh được diệt độ.

*

Sư thượng đường dạy:

- Các người may mắn tự khéo giữ cái vô sự. Kẻ nhọc nhằn tạo tác là mang cùm sa ngục chớ gì? Mỗi ngày từ sáng đến tối bôn ba nói: “Ta tham thiên học đạo, hiểu thấu Phật pháp”. Như thế càng không dính dáng gì, chỉ chạy theo thính sắc, biết khi nào dứt. Bần đạo đến tham vấn Hòa Thượng ở Giang Tây (Mã Tổ), Hòa Thượng dạy: “Kho báu nhà của người đầy đủ tất cả, sử dụng tự tại chẳng nhờ cầu bên ngoài”. Bần đạo từ đây thấy thôi, của báu của mình tùy thân thọ dụng. Có thể nói sống thích thú, không một pháp có thể thủ, không một pháp có thể xả, chẳng thấy một pháp tướng sinh diệt, chẳng thấy một vật tướng qua lại, khắp mười phương thế giới không có bằng hạt bụi mà chẳng phải của báu nhà mình. Chỉ tự quan sát kỹ càng, tâm mình một thể Tam bảo, thường tự hiện trước, không thể nghi ngờ. Chớ suy xét, chớ tìm kiếm, tâm tính xưa nay

thanh tịnh. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Tất cả pháp chẳng sinh, tất cả pháp chẳng diệt, nếu hay hiểu như thế, chư Phật thường hiện tiền”. Kinh Tịnh Danh nói: “Quán thân thật tướng, quán Phật cũng vậy”. Nếu chẳng theo tinh sắc mà động niệm, chẳng theo tướng mạo mà sinh hiểu, tự nhiên vô sự. Đi! Chớ đứng lâu. Trân trọng!

Hôm nay đại chúng nhóm họp mãi không giải tán.

Sư hỏi:

- Các người vì cớ sao ở đây mãi không đi? Bản đạo đã đối diện trình nhau, lại chịu thôi chẳng? Có việc gì khả nghi? Chớ lâm dụng tâm uổng phí khí lực. Nếu có nghi ngờ, các người tùy ý thưa hỏi.

Có vị Tăng hỏi:

- Thế nào là Phật? Thế nào là Pháp? Thế nào là Tăng? Thế nào là một thể Tam bảo?

Sư đáp:

- Tâm là Phật, chẳng cần đem Phật cầu Phật, tâm là Pháp, chẳng cần đem Pháp cầu Pháp, Phật pháp hòa hợp không hai là Tăng, tức là một thể Tam bảo. Kinh nói: “Tâm, Phật, chúng sinh cả ba không khác”. Thân khẩu ý thanh tịnh gọi là Phật ra đời, ba nghiệp không thanh tịnh gọi là Phật diệt độ. Dụ như khi giận thì không vui, khi vui thì không giận. Chỉ là một tâm, thật không hai thể. Bản trí sẵn vậy, vô lậu hiện tiền, như rấn hóa thành rồng không đổi vảy, chúng sinh hồi tâm thành Phật chẳng đổi mặt. Tánh vốn thanh tịnh chẳng đợi tu hành, có chứng

có tu tức đồng người tăng thượng mạn. Chân không chẳng kẹt, ứng dụng không cùng, không thủy không chung. Người lợi căn đốn ngộ dụng không thứ bậc, tức là A Nậu Bồ-đề (Vô thượng Chánh giác). Tâm không hình tướng tức là sắc thân vi diệu. Không tướng là thật tướng pháp thân. Thể tính tướng đều không tức là thân hư không vô biên. Muôn hạnh trang nghiêm tức là công đức Pháp thân. Pháp thân này là gốc của muôn hóa, tùy chỗ đặt tên: trí dụng không hết gọi là Vô tận tạng (kho không hết); hay sinh muôn pháp gọi là Bản pháp tạng (kho gốc các pháp); đủ tất cả trí gọi là Trí huệ tạng (kho trí huệ); muôn pháp về như gọi là Như Lai tạng (kho Như Lai). Kinh nói: “Như Lai đó, tức nghĩa như của các pháp”, lại nói: “Tất cả pháp sinh diệt thế gian, không có một pháp nào chẳng về như”.

*

Sư thọ bao nhiêu tuổi, tịch lúc nào và nơi nào, chẳng thấy ở đâu ghi.



16. THIÊN SƯ ẨN PHONG (ĐẶNG PHONG ẨN)

Sư họ Đặng quê ở Thiên Võ, Phước Kiến. Trước Sư đến tham vấn Mã Tổ mà chưa nhận được chỗ huyền ảo, Sư lại đến Thạch Đầu đòi ba phen vẫn không thấy đạo.

Lúc ở chỗ Thạch Đầu, Sư hỏi:

- Làm sao được hội đạo ?

Thạch Đầu bảo:

- Ta cũng chẳng hội đạo.

- Cứu cánh thế nào ?

- Người bị cái ấy bao vây rồi ! Một hôm, Hòa Thượng Thạch Đầu hót cỏ. Sư khoanh tay đứng bên trái. Thạch Đầu xoay nhanh chiếc kéo sang trước mặt Sư hót một gốc cỏ.

Sư thưa:

- Hòa Thượng chỉ hót được cái ấy, không hót được cái này.

Thạch Đầu đưa chiếc kéo lên. Sư nắm chiếc kéo, làm thế hót.

Thạch Đầu bảo:

- Người chỉ hót được cái này, không hót được cái ấy.

Sư không đáp được.

Sau, nơi Mã Tổ một câu nói, Sư ngộ đạo.

Một hôm, Sư đẩy xe đất, Mã Tổ ngồi duỗi chân trên đường.

Sư thưa:

- Thỉnh thầy rút chân.

Mã Tổ bảo:

- Đã duỗi thì không rút- Đã tiến thì không lùi.

Sư bèn đẩy xe qua, cán chân Mã Tổ bị thương. Mã Tổ vào pháp đường cầm chiếc búa gọi:

- Vừa rồi ai đẩy xe cán chân lão Tăng bị thương, hãy ra đây!

Sư bước ra đưa cổ trước mặt Mã Tổ. Mã Tổ liền dẹp búa.

*

Sư đến chỗ Nam Tuyền Phổ Nguyện, thấy chúng Tăng đang thẩm vấn. Nam Tuyền chỉ tịnh bình bảo:

- Bình đồng (bình bằng đồng) là cảnh, trong bình có nước, chẳng được động đến cảnh. đem nước đến cho lão Tăng.

Sư bèn nắm tịnh bình đem đến trước mặt Nam Tuyền đổ nước.

Nam Tuyền bèn thôi.

*

Sư đến Qui Sơn vào nhà Tăng, cởi y bát bỏ chỗ Thượng Toạ. Qui Sơn nghe Sư thúc đến, sửa soạn oai nghi vào nhà Tăng chào, Sư thấy Qui Sơn đến bèn làm thế nằm ngủ, Qui Sơn trở về phương trượng. Sư ra đi giây lâu, Qui Sơn hỏi thị giả:

- Sư thúc còn đó chăng ?

Thị giả thưa:

- Đã đi.

- Khi đi có nói lời gì chăng ?

- Không nói lời nào.

- Chớ nói không nói lời nào, tiếng kia vang như sấm.

*

Sư mùa Đông ở Hoành Nhạc, mùa Hạ dừng nơi Thanh Lương. Đời Đường khoảng niên hiệu Nguyên Hòa (806 – 821 T.L). Sư định lên Ngũ Đài Sơn, đi đường đến Hoài Tây gặp Ngô Nguyên Tế khởi binh chống triều đình. Quân hai bên đang đánh nhau chưa phân hơn thua. Sư nghĩ: “Ta phải cứu nạn này”, bèn ném tích trượng trong hư không, phi thân bay qua. Tướng sĩ hai bên trông thấy, tâm tranh đấu dứt sạch, liền rút quân. Sư đã dùng phép lạ, ngại làm mê hoặc quần chúng, bèn vào Ngũ Đài Sơn nơi hang Kim Cang thị tịch.

Trước khi thị tịch, Sư hỏi chúng:

- Tôi thường thấy các vị tiền bối khi tịch hoặc ngồi, hoặc nằm, có vị nào đứng tịch chăng ?

Chúng thưa:

- Có.

Sư hỏi:

- Có vị nào lộn ngược tịch chăng ?

- Chưa từng thấy.

Sư bèn lộn ngược mà tịch, nhưng y phục vẫn nguyên vẹn như đứng. Chúng định để vào trong áo quan trà tỳ, mà xô không lung lay. Dân chúng xa gần đồn đãi nhau kéo đến xem đông vô số. Sư có người em gái xuất gia làm Ni cũng có mặt tại đây. Cô Ni ấy nắm thân Sư mà trách:

- Lão huynh ngày trước chẳng giữ luật, khi chết lại làm mê hoặc người.

Trách xong, cô xô một cái thân Sư ngã xuống.

Chúng đem trà tỳ lấy Xá lợi.

